



BÙI VĂN HỒNG (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)

NGUYỄN THỊ LƯƠNG – LÊ THỊ MỸ NGÀ – ĐOÀN THỊ NGÂN

CÔNG NGHỆ

SÁCH GIÁO VIÊN

SACHHOC.COM



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI VĂN HỒNG (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
NGUYỄN THỊ LƯƠNG – LÊ THỊ MỸ NGA – ĐOÀN THỊ NGÂN

CÔNG NGHỆ

SÁCH GIÁO VIÊN



Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TRƯƠNG HUỆ BẢO

Thiết kế sách: BÙI THỊ NGỌC LAN

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: NGUYỄN ÁNH LINH

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép,
lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng
văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

CÔNG NGHỆ 3 — SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số: G2HG3C001M22

In.....bản, (QĐ in số.....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 593-2022/CXBIPH/23-397/GD

Số QĐXB:..... ngày tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-31982-1

Lời nói đầu

Kính chào quý thầy cô!

Sách giáo viên Công nghệ 3 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo là tài liệu dùng cho giáo viên dạy môn Công nghệ lớp 3. Sách giáo viên Công nghệ 3 được biên soạn song hành với sách học sinh Công nghệ 3 nhằm mục đích:

– Diễn giải những ý tưởng sư phạm được thể hiện trong sách giáo khoa, giúp giáo viên có định hướng trong việc thiết kế nội dung bài học cũng như xác định yêu cầu cần đạt trong quá trình tổ chức dạy học.

– Gợi ý phương án dạy học từng nội dung cụ thể để giáo viên tổ chức hoạt động dạy học nhằm đảm bảo tốt nhất việc hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực đã được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình môn Công nghệ.

– Cung cấp một số thông tin giúp giáo viên có thêm nguồn tham khảo để mở rộng bài dạy.

Sách giáo viên Công nghệ 3 gồm hai phần: **Giới thiệu chung** và **Hướng dẫn dạy học cụ thể**.

– Giới thiệu chung: Phần này giới thiệu về định hướng biên soạn, cấu trúc sách học sinh và một số gợi ý chung dạy học môn Công nghệ 3. Mục đích giúp giáo viên nắm vững mục tiêu môn học, ý tưởng xây dựng nội dung bài học, ý tưởng biên soạn sách giáo khoa, phương pháp và hình thức dạy học, cách đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn Công nghệ 3.

– Hướng dẫn dạy học cụ thể: Phần này đưa ra những gợi ý chi tiết về phương án tổ chức hoạt động dạy học cho từng bài học trong sách giáo khoa. Mục đích giúp giáo viên thuận lợi trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh. Trên cơ sở những hướng dẫn này, giáo viên có thể vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và đối tượng học sinh.

Sách giáo viên Công nghệ 3 được biên soạn với mong muốn sẽ là tài liệu hướng dẫn hữu ích, giúp giáo viên dạy học hiệu quả môn Công nghệ 3, song không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót trong quá trình biên soạn. Nhóm tác giả rất mong nhận được những góp ý quý báu từ quý thầy cô để nội dung sách được hoàn thiện hơn.

Kính chúc quý thầy cô giảng dạy môn Công nghệ 3 đạt hiệu quả cao.

NHÓM TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU	3
-------------------	---

GIỚI THIỆU CHUNG

I. Giới thiệu sách học sinh Công nghệ 3	5
II. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học môn Công nghệ 3	6
III. Gợi ý phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Công nghệ 3.....	11
IV. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Công nghệ 3.....	13
V. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên môn Công nghệ 3	14

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CỤ THỂ

Phần 1. CÔNG NGHỆ VÀ ĐỜI SỐNG	16
--	-----------

Bài 1. Tự nhiên và công nghệ	16
Bài 2. Sử dụng đèn học	23
Bài 3. Sử dụng quạt điện	28
Bài 4. Sử dụng máy thu thanh	34
Bài 5. Sử dụng máy thu hình.....	39
Bài 6. An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình	46
Dự án 1. Tìm hiểu sản phẩm công nghệ trong gia đình	51
Ôn tập Phần 1	53

Phần 2. THỦ CÔNG KỸ THUẬT	55
--	-----------

Bài 7. Làm đồ dùng học tập	55
Bài 8. Làm biển báo giao thông	61
Bài 9. Làm đồ chơi.....	67
Dự án 2. Làm mô hình sa bàn giao thông bằng giấy bìa cứng.....	72
Ôn tập Phần 2.....	75

HƯỚNG DẪN CHUNG

I. GIỚI THIỆU SÁCH HỌC SINH CÔNG NGHỆ 3

Sách học sinh (SHS) môn **Công nghệ** nói chung và **Công nghệ 3** nói riêng được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh (HS) được quy định trong Chương trình giáo dục tổng thể. SHS môn Công nghệ tập trung phát triển ở HS năng lực công nghệ và những phẩm chất đặc thù trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ, qua đó giúp HS học tập và làm việc hiệu quả trong môi trường công nghệ ở gia đình, nhà trường, xã hội. Đồng thời cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác, SHS môn Công nghệ góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung cho HS; bước đầu hình thành và phát triển ở HS năng lực công nghệ trên cơ sở các mạch nội dung về công nghệ và đời sống, thủ công kĩ thuật; khơi dậy hứng thú học tập và tìm hiểu công nghệ. HS sử dụng được một số sản phẩm công nghệ thông dụng trong gia đình đúng cách, an toàn; trao đổi được một số thông tin đơn giản về các sản phẩm công nghệ trong phạm vi gia đình, nhà trường; nhận xét được đơn giản về sản phẩm công nghệ thường gặp; nhận biết được vai trò của công nghệ đối với đời sống ở gia đình, nhà trường, ý thức tiết kiệm, giữ gìn, bảo vệ tài sản; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống.

SHS Công nghệ 3 được biên soạn bám sát theo yêu cầu cần đạt và mạch nội dung của Chương trình giáo dục phổ thông môn Công nghệ năm 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn mới ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017 ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đảm bảo định hướng hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung quy định trong Chương trình đáp ứng các yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù (năng lực công nghệ) của môn học, bao gồm: nhận thức công nghệ, giao tiếp công nghệ, sử dụng công nghệ, đánh giá công nghệ và thiết kế công nghệ; vận dụng triệt để các quan điểm: dạy học tích hợp, dạy học theo chủ đề giáo dục STEM và tích cực hoá hoạt động của HS trong khi trình bày nội dung và phương pháp sử dụng sách.

Các bài học trong SHS Công nghệ 3 được xây dựng theo chủ đề tích hợp, thể hiện nguyên lí “Người học là trung tâm”, với trọng tâm là chuyển từ giáo dục chú trọng truyền thụ kiến thức sang giúp HS chủ động khám phá, phát hiện và tiếp thu kiến thức mới, từ đó hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực; chú trọng đặc biệt đến quá trình phát triển năng lực của HS; tạo cơ hội tối đa để HS được tương tác và trải nghiệm thông qua các tình huống, thực hành kĩ thuật và dự án học tập gắn liền với các kiến thức, kĩ năng và giá trị ứng xử trong thực tiễn; tiếp cận quan điểm tích hợp liên môn theo định hướng giáo dục STEM và khai thác mối quan hệ nội dung trong chương trình môn Công nghệ với các môn học khác, đặc biệt là với hoạt động trải nghiệm, môn Tự nhiên và Xã hội, Toán,...

Nội dung Công nghệ và đời sống trong sách được trình bày theo những đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ cụ thể, gắn liền với thực tiễn tự nhiên, gia đình và xã hội,

giúp HS dễ nhận biết và phân biệt được chúng. Bên cạnh đó, những sản phẩm công nghệ được trình bày trong sách tập trung vào cấu trúc kỹ thuật (cấu tạo), kiểu dáng sản phẩm, mô hình hoạt động và các bước sử dụng, HS có thể nhận biết và sử dụng sản phẩm công nghệ an toàn, hiệu quả.

Nội dung Thủ công kỹ thuật trong sách được trình bày dưới dạng các chủ đề STEM, bao gồm: mô tả yêu cầu kỹ thuật, hướng dẫn lựa chọn vật liệu và sử dụng phương tiện dụng cụ, các bước thực hành và kiểm tra sản phẩm, giúp HS phát triển năng lực công nghệ và năng lực STEM.

Dự án học tập là những chủ đề vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn. Thông qua làm việc nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên (GV) để thực hiện dự án, HS phát triển năng lực vận dụng, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực làm việc nhóm và những năng lực cần thiết khác.

Nội dung sách được biên soạn nhằm hướng dẫn GV thực hiện quá trình tổ chức dạy học tại lớp và HS tự học ở nhà. Đặc biệt chú ý đến việc phân phối nội dung hợp lý, linh hoạt để GV có thể chủ động xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với điều kiện dạy học thực tế.

II. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC MÔN CÔNG NGHỆ 3

1. Cấu trúc sách

Ngoài phần mở đầu, giới thiệu vị trí môn học, hướng dẫn sử dụng sách, mục lục và phần giải thích thuật ngữ ở cuối sách, sách được biên soạn với cấu trúc thống nhất gồm hai phần, bao gồm: Công nghệ và đời sống, Thủ công kỹ thuật.

Sách gồm 9 bài học, 2 dự án và 2 bài ôn tập. Mỗi bài học được xây dựng với cấu trúc gồm một chuỗi các hoạt động học tập của HS, thể hiện rõ quan điểm dạy học phát triển năng lực và dạy học tích hợp theo định hướng giáo dục STEM, đồng thời đảm bảo cấu trúc bài học theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT. Cụ thể như sau:

– Mở đầu:

+ Mục tiêu hay yêu cầu cần đạt trong mỗi bài học: Nhằm giúp HS nhận biết được kết quả học tập và định hướng hoạt động học.

+ Hoạt động mở đầu hay khởi động: là những tình huống, vấn đề gắn liền với thực tiễn, nhằm tạo động cơ và kích thích nhu cầu học tập cho HS.

– Hoạt động phát triển kiến thức, kỹ năng công nghệ:

+ Khám phá: Dựa vào quan sát và trải nghiệm, HS nhận biết được sự vật, hiện tượng có trong thực tiễn và gắn gũi với đời sống. Từ đó, các em tìm kiếm, phát hiện và sắp xếp thông tin liên quan để trả lời câu hỏi và giải quyết các vấn đề được đặt ra trong bài, giúp HS hình thành và phát triển kiến thức mới.

+ Thực hành: Dựa vào yêu cầu thực hành và các bước trong quy trình thực hành kỹ thuật, HS rèn luyện và phát triển kỹ năng dưới sự hướng dẫn của GV.

– Hoạt động luyện tập: Dựa vào kiến thức, kĩ năng mới đã được hình thành và phát triển thông qua hoạt động khám phá và thực hành, HS tham gia trả lời câu hỏi và giải quyết các vấn đề đơn giản từ thực tiễn có liên quan đến bài học để củng cố và khắc sâu kiến thức, kĩ năng và hình thành năng lực.

– Hoạt động vận dụng: Yêu cầu HS liên hệ thực tế, phân tích một tình huống, giải quyết một vấn đề đơn giản có liên quan và đưa ra cách ứng xử phù hợp, qua đó HS hình thành và phát triển được năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tế gia đình và xã hội.

– Nội dung ghi nhớ: Tóm tắt những kiến thức cốt lõi, trọng tâm của bài học, giúp HS tập trung hệ thống lại kiến thức đã học.

Thời lượng thực hiện chương trình môn Công nghệ 3 là 35 tiết/năm học và dạy trong 35 tuần. Mỗi chủ đề ứng với một phần nội dung, dự kiến phân bổ như sau:

– Phần 1. Công nghệ và đời sống: 20 tiết

– Phần 2. Thủ công kĩ thuật: 15 tiết

Tên phần	Tên bài	Dự kiến số tiết thực hiện trong SHS
Phần 1. Công nghệ và Đời sống	Bài 1. Tự nhiên và công nghệ	3
	Bài 2. Sử dụng đèn học	3
	Bài 3. Sử dụng quạt điện	3
	Bài 4. Sử dụng máy thu thanh	3
	Bài 5. Sử dụng máy thu hình	3
	Bài 6. An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình	2
	Dự án 1. Tìm hiểu sản phẩm công nghệ trong gia đình	1
	Ôn tập Phần 1	1
	Kiểm tra	1
Phần 2. Thủ công kĩ thuật	Bài 7. Làm đồ dùng học tập	4
	Bài 8. Làm biển báo giao thông	4
	Bài 9. Làm đồ chơi	4
	Dự án 2. Làm mô hình sa bàn giao thông bằng giấy bìa cứng	1
	Ôn tập Phần 2	1
	Kiểm tra	1

2. Cách trình bày sách

Sách được trình bày có sự kết hợp hài hoà, cân đối giữa kênh chữ và kênh hình, đảm bảo khoa học, mang tính sư phạm và giáo dục cao, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của HS lớp 3. Cụ thể:

– Kênh chữ: ngắn gọn, súc tích, gợi ý cho HS và GV cách thức tổ chức hoạt động học tập (quan sát, đóng vai, thực hành, ...), đồng thời tạo điều kiện cho GV vận dụng kết hợp nhiều phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng lấy HS làm trung tâm.

– Kênh hình (chiếm ưu thế): gồm ba chức năng sau: (1) Giúp HS dễ dàng quan sát và nhận biết các hoạt động như hoạt động khởi động, hoạt động hình thành năng lực nhận thức và tìm hiểu, hoạt động vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua các hình ảnh gần gũi với thực tế; (2) Minh họa để HS có thể hiểu và thực hiện được các hình thức tham gia hoạt động (trò chơi, thảo luận nhóm, ...); (3) Gợi ý, dẫn dắt HS để hình thành các năng lực đặc thù của môn học.

– Sự kết hợp giữa kênh hình và kênh chữ thông qua bóng nói, bóng nghĩ nhằm thu hút, hấp dẫn HS (giúp sách có cách thể hiện giống truyện tranh, tạo sự thân thiết, gần gũi với HS tiểu học); đồng thời dẫn dắt, tạo ra sự tò mò, kích thích tư duy, khám phá của HS; giúp sách tiếp cận thực tiễn và đi vào thực tiễn.

3. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt của mỗi bài

Tên bài	Số tiết	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Năng lực chuyên môn	Năng lực chung	Phẩm chất
Phần 1. Công nghệ và đời sống						
Bài 1. Tự nhiên và công nghệ	3	1. Đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ 2. Sản phẩm công nghệ trong gia đình 3. Sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình (<i>nội dung thực hành</i>)	– Phân biệt được đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ. – Nêu được tác dụng của một số sản phẩm công nghệ trong gia đình. – Có ý thức giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình.	– Nhận thức công nghệ – Sử dụng công nghệ – Giao tiếp công nghệ	– Tự chủ, tự học – Giao tiếp và hợp tác	– Yêu nước – Trung thực – Trách nhiệm
Bài 2. Sử dụng đèn học	3	1. Các bộ phận chính của đèn học 2. Một số loại đèn học thông dụng 3. Sử dụng đèn học (<i>nội dung thực hành</i>)	– Nêu được tác dụng và mô tả được các bộ phận chính của đèn học. – Nhận biết được một số loại đèn học thông dụng. – Xác định vị trí đặt đèn; bật, tắt, điều chỉnh được độ sáng của đèn học. – Nhận biết và phòng tránh được những tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn học.	– Nhận thức công nghệ – Đánh giá công nghệ – Sử dụng công nghệ – Giao tiếp công nghệ	– Tự chủ, tự học – Giao tiếp và hợp tác – Giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Chăm chỉ – Trung thực – Trách nhiệm

Bài 3. Sử dụng quạt điện	3	1. Các bộ phận chính của quạt điện 2. Một số loại quạt điện thông dụng 3. Sử dụng quạt bàn (nội dung thực hành)	– Nêu được tác dụng và mô tả được các bộ phận chính của quạt điện. – Nhận biết được một số loại quạt điện thông dụng. – Xác định vị trí đặt quạt; bật, tắt, điều chỉnh được tốc độ quạt phù hợp với yêu cầu sử dụng. – Nhận biết và phòng tránh được những tình huống mất an toàn khi sử dụng quạt điện.	– Nhận thức công nghệ – Đánh giá công nghệ – Sử dụng công nghệ – Giao tiếp công nghệ	– Tự chủ, tự học – Giao tiếp và hợp tác – Giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Chăm chỉ – Trung thực – Trách nhiệm
Bài 4. Sử dụng máy thu thanh		1. Tác dụng của máy thu thanh 2. Mối quan hệ giữa đài phát thanh và máy thu thanh 3. Chương trình phát thanh 4. Sử dụng máy thu thanh (nội dung thực hành)	– Nêu được tác dụng của máy thu thanh. – Dựa vào sơ đồ khối, mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài phát thanh và máy thu thanh. – Kể tên và nêu được nội dung phát thanh của một số chương trình phù hợp với lứa tuổi học sinh trên đài phát thanh. – Chọn được kênh phát thanh, thay đổi âm lượng theo ý muốn.	– Nhận thức công nghệ – Đánh giá công nghệ – Sử dụng công nghệ – Giao tiếp công nghệ	– Tự chủ, tự học – Giao tiếp và hợp tác – Giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Chăm chỉ – Trung thực – Trách nhiệm
Bài 5. Sử dụng máy thu hình	3	1. Tác dụng của ti vi 2. Mối quan hệ giữa đài truyền hình và ti vi 3. Kênh truyền hình phổ biến 4. Lựa chọn vị trí ngồi khi xem ti vi (nội dung thực hành) 5. Sử dụng ti vi (nội dung thực hành)	– Trình bày được tác dụng của máy thu hình (ti vi) trong gia đình. – Dựa vào sơ đồ khối, mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài truyền hình và ti vi. – Kể được tên và nêu được nội dung của một số kênh truyền hình phổ biến, phù hợp với học sinh. – Lựa chọn được vị trí ngồi đảm bảo góc nhìn và khoảng cách hợp lý khi xem ti vi. – Chọn được kênh, điều chỉnh được âm thanh của ti vi theo ý muốn.	– Nhận thức công nghệ – Đánh giá công nghệ – Sử dụng công nghệ – Giao tiếp công nghệ	– Tự chủ, tự học – Giao tiếp và hợp tác – Giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Chăm chỉ – Trung thực – Trách nhiệm
Bài 6. An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình	2	1. Tình huống mất an toàn trong gia đình 2. Phòng tránh tình huống mất an toàn trong gia đình (nội dung thực hành)	– Nhận biết và phòng tránh được một số tình huống không an toàn cho người từ môi trường công nghệ trong gia đình. – Báo cho người lớn biết khi có sự cố, tình huống mất an toàn xảy ra.	– Nhận thức công nghệ – Đánh giá công nghệ – Giao tiếp công nghệ	– Tự chủ, tự học – Giao tiếp và hợp tác – Giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Nhân ái – Chăm chỉ – Trách nhiệm

Dự án 1. Tìm hiểu sản phẩm công nghệ trong gia đình	1	1. Mô tả dự án 2. Mục tiêu 3. Nhiệm vụ học tập 4. Phương tiện hỗ trợ 5. Sản phẩm dự án 6. Tiêu chí đánh giá dự án	– Phân biệt được đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ trong gia đình. – Nhận biết được những vật liệu có nguồn gốc từ đối tượng tự nhiên được sử dụng để làm sản phẩm công nghệ trong gia đình.	– Nhận thức công nghệ – Đánh giá công nghệ – Sử dụng công nghệ – Giao tiếp công nghệ	– Tự chủ, tự học – Giao tiếp và hợp tác – Giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Chăm chỉ – Trung thực – Trách nhiệm
Ôn tập Phần 1	1					
Kiểm tra	1					
Phần 2. Thủ công kĩ thuật						
Bài 7. Làm đồ dùng học tập	4	1. Em làm thước kẻ bằng giấy 2. Thực hành làm thước kẻ bằng giấy <i>(nội dung thực hành)</i>	– Lựa chọn được vật liệu làm đồ dùng học tập đúng yêu cầu. – Sử dụng được các dụng cụ để làm đồ dùng học tập đúng cách, an toàn. – Làm được một đồ dùng học tập đơn giản theo các bước cho trước, đảm bảo yêu cầu về kĩ thuật, thẩm mỹ.	– Nhận thức công nghệ – Sử dụng công nghệ – Giao tiếp công nghệ	– Tự chủ, tự học – Giao tiếp và hợp tác – Giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Chăm chỉ – Trung thực – Trách nhiệm
Bài 8. Làm biển báo giao thông	4	1. Biển báo giao thông đường bộ 2. Em làm biển báo giao thông đường bộ <i>(nội dung thực hành)</i>	– Nêu được ý nghĩa của một số biển báo giao thông. – Lựa chọn được vật liệu phù hợp. – Lựa chọn và sử dụng được dụng cụ đúng cách, an toàn để làm được một số biển báo giao thông quen thuộc dưới dạng mô hình theo các bước cho trước. – Có ý thức tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông.	– Nhận thức công nghệ – Sử dụng công nghệ – Giao tiếp công nghệ	– Tự chủ, tự học – Giao tiếp và hợp tác – Giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Nhân ái – Chăm chỉ – Trung thực – Trách nhiệm
Bài 9. Làm đồ chơi	4	1. Đồ chơi quanh em 2. Em làm mô hình xe 3. Tính toán chi phí cho đồ chơi tự làm	– Nhận biết và sử dụng an toàn một số đồ chơi đơn giản phù hợp với lứa tuổi. – Làm được một đồ chơi đơn giản theo hướng dẫn. – Tính toán được chi phí cho một đồ chơi đơn giản.	– Nhận thức công nghệ – Sử dụng công nghệ – Giao tiếp công nghệ – Thiết kế kĩ thuật	– Tự chủ, tự học – Giao tiếp và hợp tác – Giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Nhân ái – Chăm chỉ – Trung thực – Trách nhiệm

Dự án 2. Làm mô hình sa bàn giao thông bằng giấy bìa cứng	1	1. Mục tiêu 2. Nhiệm vụ 3. Vật liệu, phương tiện hỗ trợ 4. Câu hỏi gợi ý 5. Sản phẩm	Làm được một sản phẩm công nghệ đơn giản.	– Nhận thức công nghệ – Đánh giá công nghệ – Sử dụng công nghệ – Giao tiếp công nghệ – Thiết kế kĩ thuật	– Tự chủ, tự học – Giao tiếp và hợp tác – Giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Chăm chỉ – Trung thực – Trách nhiệm
Ôn tập Phần 2	1					
Kiểm tra	1					
Tổng cộng	35					

III. GỢI Ý PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN CÔNG NGHỆ 3

1. Định hướng chung về việc sử dụng phương pháp dạy học

Xuất phát từ định hướng chung về phương pháp giáo dục nêu tại Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, đặc biệt quán triệt quan điểm lấy người học làm trung tâm, chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực của người học, khi dạy học môn công nghệ 3, GV nên lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học theo các định hướng cơ bản sau:

– Khai thác các kiến thức, hiểu biết của HS về thế giới công nghệ xung quanh; hướng dẫn HS cách thu thập dữ liệu, thông tin để giải quyết các tình huống liên quan đến khoa học công nghệ; phát huy trí tò mò của HS về môi trường công nghệ để từ đó HS biết lựa chọn vật liệu, dụng cụ phù hợp để làm ra các sản phẩm công nghệ phù hợp lứa tuổi.

– Tổ chức cho HS học thông qua quan sát các sự vật, tranh ảnh, vật thật, video clip, ... về công nghệ và đời sống, thủ công kĩ thuật. Thông qua hoạt động này, HS phát triển được một số kĩ năng như biết nhận xét, đánh giá, suy luận, khái quát hoá được nội dung ở mức độ cơ bản.

– Tổ chức cho HS thực hành, trải nghiệm thông qua các hoạt động tìm hiểu kiến thức mới, các phép thử đúng – sai, từ đó rút ra bài học để vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn.

– Tổ chức cho HS học thông qua các hoạt động dạy học nêu vấn đề, gợi mở vốn sống của HS, đàm thoại, trò chơi, hoạt động nhóm, thực hiện dự án, tra cứu thông tin qua các ứng dụng công nghệ, xử lí các tình huống thực tiễn gần gũi với HS, thực hành trên lớp, thực hành tại nhà có sự hỗ trợ, tư vấn của phụ huynh, qua đó hình thành phát triển các năng lực chuyên môn và năng lực đặc thù của HS như hợp tác, sáng tạo, tự chủ, giao tiếp công nghệ, ...

– Tùy điều kiện cụ thể, GV lựa chọn và phối hợp sử dụng một số phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực phù hợp với mục tiêu bài học, đối tượng HS, nội dung bài học.

2. Gợi ý hình thức tổ chức các hoạt động học ở mỗi bài học

Tùy từng phần và nội dung của bài học, khi được trình bày với những mục đích khác nhau, thì GV có thể khai thác và lựa chọn sử dụng những hình thức dạy học đặc trưng khác nhau.

Mỗi bài học gồm có những nội dung sau:

a. Hoạt động mở đầu, hay khởi động

– GV hướng dẫn HS tham gia các trò chơi, hát, đồ vui, quan sát hình ảnh minh họa ở phần khởi động bài học để trả lời câu hỏi trong SHS với các hình thức tập thể, cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ,...

– GV giới thiệu, dẫn dắt vào bài và nêu mục tiêu bài học.

– GV có thể đặt một số câu hỏi hoặc gợi ý để HS nêu ý kiến thắc mắc xoay quanh bài học, từ đó GV tạo tình huống có vấn đề và cùng HS chuẩn bị tìm hiểu kiến thức mới.

b. Hoạt động phát triển kiến thức, kỹ năng công nghệ

– Khám phá: Hoạt động này giúp HS hình thành kiến thức mới, nhận biết được sự vật, hiện tượng gần gũi với đời sống trong thực tiễn thông qua quan sát, trải nghiệm các đồ dùng học tập liên quan trong bài học; HS trao đổi, thảo luận để tìm ra kiến thức thông qua một số hình thức như hoạt động nhóm, phương pháp phép thử đúng và sai; HS nêu được những nhận biết của bản thân về đối tượng học tập; HS khái quát hoá được kiến thức dưới sự hỗ trợ của GV, từ đó lĩnh hội và phát triển kiến thức mới.

– Thực hành: Dựa vào yêu cầu thực hành và các bước trong quy trình thực hành kỹ thuật, HS rèn luyện và phát triển kỹ năng dưới sự hướng dẫn của GV.

GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ học tập. GV cần giao nhiệm vụ thật cụ thể, có thể sử dụng phiếu học tập hoặc ghi rõ lên bảng, đồng thời quy định thời gian thực hành cho các nhóm. HS phân công công việc trong nhóm và tiến hành thực hiện các nhiệm vụ được giao. GV cần quan sát để hỗ trợ kịp thời và giúp HS thực hiện đúng theo yêu cầu.

HS báo cáo trước lớp theo nhóm hoặc cá nhân. HS trình bày cách làm, kết quả, chia sẻ ý tưởng của sản phẩm, nhận định, đánh giá sản phẩm. GV và HS khác nhận xét, trao đổi và đưa ra những lời khuyên nghị, GV cần tránh áp đặt đúng sai mà nên khuyến khích HS nêu lên ý kiến của mình.

c. Hoạt động luyện tập

GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh hoặc đọc thông tin và tham gia trả lời câu hỏi, yêu cầu trong SHS. HS giải quyết các vấn đề đơn giản từ thực tiễn có liên quan đến bài học nhằm khắc sâu kiến thức, kỹ năng trong bài.

d. Hoạt động vận dụng

HS sử dụng các kiến thức đã học để liên hệ thực tế, phân tích tình huống hay giải quyết vấn đề đơn giản có liên quan và đưa ra cách ứng xử phù hợp, sáng tạo. HS tạo ra các sản phẩm cá nhân hoặc theo nhóm trên nền tảng kiến thức đã học. GV tổ chức cho HS trình bày, chia sẻ trước lớp, từ đó HS tự đánh giá sản phẩm theo các tiêu chí GV đã đưa ra đầu tiết học. Qua đó, HS hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế gia đình và xã hội.

* Đối với dạng bài dự án

HS làm quen với dạng bài học theo mô hình dự án, HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn với thực tiễn, kết hợp lí thuyết với thực hành. GV hướng dẫn HS thực hiện dự án theo hướng dẫn trong SHS. Mỗi dự án được thực hiện theo ba giai đoạn:

– Giai đoạn 1: Hướng dẫn triển khai dự án

+ GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm nhỏ.

+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung và các yêu cầu của dự án.

+ HS tiến hành lập kế hoạch thực hiện dự án, ở phần này GV hướng dẫn HS thảo luận trên lớp để tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho các nhóm HS.

– Giai đoạn 2: Thực hiện dự án

HS tiến hành thực hiện dự án ngoài giờ lên lớp. Các em có thể phân chia công việc rõ ràng, cụ thể và cùng nhau hoàn thành vào các giờ tự học, giờ ra chơi, hoặc tại nhà,...

– Giai đoạn 3: Kết thúc dự án

GV hướng dẫn cho HS trưng bày sản phẩm trên lớp. HS tiến hành trình bày và đánh giá sản phẩm của mình và nhóm bạn, từ đó GV đưa ra những lời nhận xét, khuyến nghị cho HS.

IV. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN CÔNG NGHỆ 3

1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

Một số đặc trưng của đánh giá năng lực, phẩm chất trong dạy học môn Công nghệ 3:

– Quan tâm đánh giá phẩm chất của HS, chú trọng đến năng lực cá nhân, khuyến khích HS thể hiện cá tính và năng lực bản thân. Các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm của HS được đánh giá chủ yếu bằng phương pháp định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS khi tham gia các hoạt động học tập của bài học.

– Đa dạng hoá các hình thức và công cụ đánh giá HS: đánh giá qua lời nói, trả lời câu hỏi; đánh giá qua phiếu bài tập; đánh giá các sản phẩm quan sát, thực hành của nhóm, cá nhân; đánh giá qua việc quan sát HS tham gia các hoạt động; đánh giá qua sự phản hồi của các lực lượng giáo dục,...

– Kết hợp đánh giá quá trình làm việc cá nhân với đánh giá sự hợp tác và làm việc nhóm, tập thể của HS.

– Không chỉ quan tâm đến kết quả của hoạt động mà còn chú trọng đến quá trình tạo ra sản phẩm, coi trọng ý tưởng sáng tạo, tinh thần làm việc trong suốt quá trình tạo ra sản phẩm học tập. Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì sau từng chủ đề nhằm điều chỉnh quá trình dạy học sao cho phù hợp với năng lực của HS.

– Trọng tâm đánh giá môn học nhấn mạnh đến đánh giá năng lực của người học.

– Khuyến khích tự đánh giá, đánh giá chéo cá nhân và các nhóm HS ở những thời điểm khác nhau trong quá trình dạy học. Đặc biệt là đánh giá cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức công nghệ và cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh trong môn Công nghệ 3

2.1. Đánh giá các nhóm năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Được đánh giá chủ yếu thông qua việc quan sát hành động, những việc làm của HS trong quá trình học tập như: quá trình HS tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học môn Công nghệ 3 ở trên lớp; quá trình tự giác tham gia và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,...

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Đánh giá thông qua quan sát hoạt động học tập nhóm của người học, khả năng phân công và phối hợp giữa các HS để hoàn thành nhiệm vụ học tập của môn Công nghệ 3 được tổ chức ở trong và ngoài lớp học.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đánh giá thông qua việc HS đề xuất và đưa ra các phương án trả lời cho các câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kỹ năng của bài học môn Công nghệ 3 để giải quyết các vấn đề thường gặp trong cuộc sống hằng ngày.

2.2. Đánh giá năng lực công nghệ

Căn cứ vào những biểu hiện cụ thể của năng lực công nghệ trong môn Công nghệ 3, GV có thể thiết kế các câu hỏi, các bài tập để đánh giá năng lực khoa học của HS.

– Năng lực nhận thức công nghệ: Có thể đánh giá thông qua việc yêu cầu HS nêu, mô tả, trình bày được một số sự vật, hiện tượng xung quanh; so sánh, lựa chọn và phân loại được các sự vật, hiện tượng đơn giản trong Công nghệ 3 theo một số tiêu chí.

– Năng lực đánh giá, sử dụng, giao tiếp công nghệ và thiết kế kỹ thuật: Có thể đánh giá thông qua việc HS giải thích, phân tích một số tình huống có liên quan đến bài học; nhận xét, đánh giá cách ứng xử của mọi người xung quanh về sản phẩm công nghệ, nêu và thực hiện được cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống và chia sẻ với mọi người xung quanh cùng thực hiện trong việc sử dụng sản phẩm công nghệ, làm được một số sản phẩm công nghệ theo quy trình các bước cho trước, biết vận dụng sáng tạo làm ra sản phẩm mới.

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN MÔN CÔNG NGHỆ 3

1. Cấu trúc sách giáo viên

Sách giáo viên (SGV) được biên soạn nhằm giúp GV có những hiểu biết cần thiết liên quan đến việc dạy học môn Công nghệ 3, hỗ trợ GV thiết kế kế hoạch dạy học trên cơ sở tham khảo những gợi ý trong tài liệu. Qua đó, GV hiểu rõ hơn và thực hiện được chương trình môn Công nghệ 3, nâng cao hiệu quả sử dụng SHS, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Công nghệ 3.

SGV được cấu trúc bao gồm hai phần:

a. Một số vấn đề chung về dạy học môn Công nghệ 3

Phần này giới thiệu khái quát về đặc điểm, quan điểm, mục tiêu xây dựng chương trình môn Công nghệ 3, ma trận nội dung môn Công nghệ 3 và những yêu cầu cần đạt, phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học.

b. Gợi ý dạy học các bài trong môn Công nghệ 3

Đây là nội dung chính, cơ bản của SGV. Nội dung này chiếm phần lớn số lượng các trang trong cuốn sách. Cụ thể phần này trình bày, hướng dẫn gợi ý bài học trong SHS môn

Công nghệ 3 của bộ sách Chân trời sáng tạo, nội dung các bài học bám sát và đáp ứng tất cả các yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

Mỗi kế hoạch dạy học trong SGK gồm ba phần:

– Mục tiêu: Là kết quả HS cần đạt được khi học xong bài học. Mục tiêu này được cụ thể hoá và bám sát chương trình môn Công nghệ 3.

– Thiết bị dạy học: Gợi ý và đưa ra những thiết bị dạy học cho cả GV và HS cần chuẩn bị trong bài. Những thiết bị dạy học này có thể gồm: tranh ảnh, video, đồ dùng, vật thật, vật liệu, dụng cụ để HS thực hành, sắm vai; SHS, vở bài tập (VBT),...

– Các hoạt động dạy học: Trình bày rõ những hoạt động được tổ chức ở các tiết nhằm đạt được mục tiêu đã xác định. Trong từng tiết, các hoạt động được gợi ý tổ chức gồm: hoạt động khởi động; hoạt động khám phá để hình thành, phát triển kiến thức và kỹ năng công nghệ; hoạt động luyện tập củng cố kiến thức, kỹ năng đã học; hoạt động vận dụng để phát triển năng lực; hoạt động tiếp nối sau bài học. Trong từng hoạt động, có bốn yếu tố được trình bày:

+ Tên hoạt động: Có thể được đặt tên theo mục tiêu, nội dung hoặc phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động.

+ Mục tiêu của hoạt động: Là những mục tiêu chi tiết phù hợp với mục tiêu đã được xác định ở phần mục tiêu chung của bài ở phía trên.

+ Cách tiến hành hoạt động: Trình bày cụ thể các bước tiến hành, gợi ý những cách tổ chức khác hoặc những lưu ý, chỉ dẫn thêm cho GV khi tổ chức hoạt động dạy học.

+ Kết luận của hoạt động: Phù hợp với mục tiêu của hoạt động và thống nhất, cụ thể hoá với mục tiêu mà hoạt động đặt ra.

2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả

Đối với GV tiểu học, SGK là tài liệu hỗ trợ quan trọng, giúp GV định hướng tổ chức các hoạt động dạy học nhằm đạt được yêu cầu cần đạt của chương trình môn Công nghệ 3. Tuy nhiên, dạy học là một quá trình sáng tạo và chương trình môn Công nghệ 3 là một chương trình mở. Trong quá trình soạn SGK, các tác giả không thể dự đoán được tất cả các câu trả lời, các cách xử lý tình huống của HS; các điều kiện, cơ sở vật chất của tất cả các trường,... Do đó, để sử dụng SGK môn Công nghệ 3 hiệu quả, các cán bộ quản lý và GV đứng lớp cần chú ý một số điều cơ bản sau:

– Nội dung các bài soạn trong SGK chỉ là những gợi ý, không bắt buộc tất cả các GV phải làm theo. GV không nên vận dụng một cách máy móc vì có những hoạt động dạy học có thể không phù hợp với đối tượng HS và điều kiện cơ sở vật chất của trường mình.

– Vận dụng sáng tạo và phát triển những ý tưởng, gợi ý được đưa ra trong SGK. Dựa trên những gợi ý này, GV có thể thiết kế lại kế hoạch bài dạy sao cho phù hợp với tính chất của bài; khả năng của HS; điều kiện cơ sở vật chất thực tế của trường, của địa phương. Cụ thể, có thể xác định lại các mục tiêu của bài học; lựa chọn và thiết kế lại các hoạt động dạy học; vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo cách khác,...

– Sự sáng tạo và phát triển kế hoạch dạy học của GV phải đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình môn Công nghệ 3.

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CỤ THỂ

Phần 1. CÔNG NGHỆ VÀ ĐỜI SỐNG

Bài 1. TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Phân biệt được đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ.
- Nêu được tác dụng của một số sản phẩm công nghệ trong gia đình.
- Có ý thức giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Năng lực chung: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác.
- Phẩm chất: yêu nước; trung thực; trách nhiệm.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ.
- Sử dụng công nghệ.
- Giao tiếp công nghệ.

II. PHƯƠNG TIỆN – THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Giáo viên

Tranh hoặc vật thật một số hình trong SHS bài 1.

2. Học sinh

Tranh hoặc vật thật một số hình trong SHS bài 1.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Mục tiêu: HS phân biệt được đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu:

- Giới thiệu sơ lược về cấu trúc sách công nghệ 3.
- Kích thích sự tò mò, khám phá kiến thức của HS.

b. Cách tiến hành:

– GV giới thiệu sơ lược về sách Công nghệ 3 và đặt câu hỏi cho HS: Sách Công nghệ 3 gồm có mấy phần? Đọc tên bài có trong mỗi phần.

– GV yêu cầu HS xem mục lục và trả lời câu hỏi.

Gợi ý:

+ Gồm có 2 phần:

• Phần 1: Công nghệ và đời sống. Ở phần này các em sẽ được tìm hiểu và khám phá kiến thức qua 6 bài, cụ thể như sau:

- Bài 1. Tự nhiên và công nghệ
- Bài 2. Sử dụng đèn học
- Bài 3. Sử dụng quạt điện
- Bài 4. Sử dụng máy thu thanh
- Bài 5. Sử dụng máy thu hình
- Bài 6. An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình

• Phần 2: Thủ công kĩ thuật, gồm có 3 bài như sau:

- Bài 7. Làm đồ dùng học tập
- Bài 8. Làm biển báo giao thông
- Bài 9. Làm đồ chơi

+ Bên cạnh đó, sau mỗi phần các em sẽ được thực hiện một dự án liên quan đến các kiến thức đã học.

– GV giới thiệu bài học đầu tiên: Hôm nay chúng ta sẽ học bài đầu tiên trong Phần 1, đó là bài Tự nhiên và công nghệ.

– GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh trang 6 và trả lời câu hỏi: Em hiểu gì về nội dung bức tranh?

– GV dẫn dắt vào bài học: Để trả lời thắc mắc sản phẩm công nghệ là gì, chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học Tự nhiên và công nghệ.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu về đối tượng tự nhiên

a. Mục tiêu: HS nhận biết được đối tượng tự nhiên.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh ở trang 7, yêu cầu HS nêu tên các đối tượng tự nhiên có trong hình và một số đối tượng tự nhiên ngoài SHS.

– HS trình bày, bổ sung cho nhau và cùng GV đưa ra kết luận.

c. Kết luận:

Đối tượng tự nhiên là những đối tượng có sẵn trong tự nhiên không do con người làm ra.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về sản phẩm công nghệ trong đời sống

a. Mục tiêu: HS nhận biết được sản phẩm công nghệ trong đời sống.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS trao đổi cặp đôi, quan sát hình ảnh ở trang 8, nêu tên các sản phẩm công nghệ trong hình và một số sản phẩm công nghệ ngoài SHS.

– HS cùng GV đưa ra kết luận:

+ Robot (người máy), máy phát điện, máy giặt, xe ô tô, cầu Ròng (Đà Nẵng), đồ gốm sứ là những đồ dùng được con người làm ra từ đối tượng tự nhiên, phục vụ cho cuộc sống của chúng ta được gọi là sản phẩm công nghệ.

+ Những đối tượng tự nhiên được sử dụng để làm ra sản phẩm công nghệ (ví dụ như đất sét, đá, gỗ,...) được gọi là nguyên liệu tự nhiên.

– HS trình bày, bổ sung và cùng GV đưa ra kết luận.

c. Kết luận:

Sản phẩm công nghệ là những sản phẩm được con người làm ra để phục vụ đời sống.

Hoạt động 3: Phân biệt đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ

a. Mục tiêu: HS phân biệt được đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS thi đua thảo luận theo nhóm bốn, phân hoá HS theo 3 nhóm đối tượng.

+ Nhóm 1: Xếp hình đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ vào cột tương ứng, sau đó đọc tên các hình ảnh ở trang 9 trong SHS.

Gợi ý:

Đối tượng tự nhiên	Sản phẩm công nghệ
	

+ Nhóm 2: Viết tên đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ mà em biết (dựa trên các sản phẩm nhóm đã chuẩn bị ở nhà).

Gợi ý:

Tên đối tượng tự nhiên	Tên sản phẩm công nghệ
Con cá, mặt trăng,...	Điện thoại, tàu hoả, camera,...

+ Nhóm 3: Ghi tên hoặc dán hình sản phẩm công nghệ được làm từ đối tượng tự nhiên tương ứng.

Gợi ý:

Tên đối tượng tự nhiên	Tên sản phẩm công nghệ
	

- HS trình bày và nhận xét lẫn nhau, GV nhận xét các nhóm HS.
- GV cùng HS đưa ra kết luận.

c. Kết luận:

Sản phẩm công nghệ thường được làm từ các đối tượng tự nhiên, nên chúng ta phải sử dụng sản phẩm công nghệ phù hợp, an toàn và hiệu quả để bảo vệ tự nhiên và môi trường.

2.3. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại các kiến thức vừa học về đối tượng tự nhiên, sản phẩm công nghệ.
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị tranh cho tiết học sau.

3. Đánh giá

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

TIẾT 2

1. Mục tiêu

- Kể được tên một số sản phẩm công nghệ trong gia đình.
- Nêu được tác dụng của một số sản phẩm công nghệ trong gia đình.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích sự tò mò, khám phá kiến thức của HS.

b. Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS kiểm tra lẫn nhau các hình ảnh, vật thật là những sản phẩm công nghệ trong gia đình đã được GV yêu cầu HS chuẩn bị trước cho tiết học.
- HS báo cáo kết quả kiểm tra.
- GV nhận xét.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu về sản phẩm công nghệ trong gia đình

a. Mục tiêu: Nêu được tác dụng của một số sản phẩm công nghệ trong gia đình.

b. Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS trả lời câu lệnh trước lớp: Kể tên và tác dụng của những sản phẩm công nghệ mà gia đình em đang sử dụng dựa theo các hình trong SHS trang 10.
- HS chia sẻ ý kiến cá nhân.
- GV giúp HS nhắc lại đúng tên gọi và tác dụng của các sản phẩm công nghệ theo các hình trong SHS.

Gợi ý:

- + Nồi cơm điện dùng để nấu cơm, nấu cháo,...
- + Tủ lạnh dùng để bảo quản thức ăn, làm nước đá,...
- + Quạt điện dùng để làm mát.
- + Đèn bàn dùng để chiếu sáng khi học bài.
- + Máy thu hình (tivi) dùng để xem phim, xem tin tức, xem ca nhạc,...
- + Máy thu thanh (radio) dùng để nghe tin tức, nghe nhạc,...
- GV hướng dẫn HS trả lời và chốt lại câu trả lời đúng.
- GV cùng HS rút ra kết luận, qua đó GV tích hợp giáo dục môi trường.

c. Kết luận:

Một số sản phẩm công nghệ thường được sử dụng trong sinh hoạt hằng ngày ở gia đình như: nồi cơm điện, quạt điện, tủ lạnh, máy thu thanh, tivi,.... Khi sử dụng, em cần cẩn thận đảm bảo an toàn, tiết kiệm điện để giảm chi phí cho gia đình và nguồn tài nguyên tự nhiên.

Hoạt động 2: Các bước sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình

a. Mục tiêu: HS biết được các bước sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình.

b. Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm: Chia sẻ cách sử dụng các sản phẩm công nghệ trong gia đình mà em biết và những điều cần lưu ý khi sử dụng.

Gợi ý những điều cần lưu ý khi sử dụng các sản phẩm công nghệ:

1. Tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất.

2. Cần đảm bảo an toàn tuyệt đối khi sử dụng các thiết bị công nghệ có sử dụng nguồn điện và nhờ sự hỗ trợ của người lớn khi cần thiết.

– GV cùng HS rút ra kết luận.

– HS thực hành sử dụng một số sản phẩm công nghệ thông dụng như quạt máy, ti vi, điện thoại,...

2.3. Cũng cố, dặn dò

– HS nhắc lại các kiến thức vừa học.

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

TIẾT 3

1. Mục tiêu

– HS củng cố và tự đánh giá được một số kiến thức về đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ; chỉ ra được các sản phẩm công nghệ trong gia đình và cách sử dụng một số sản phẩm trong gia đình.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích sự tò mò của HS và tạo tâm thế sẵn sàng vào tiết học.

b. Cách tiến hành:

– GV cho HS xem đoạn video clip có hình ảnh các sản phẩm công nghệ được dùng trong gia đình (video clip gợi ý: https://youtu.be/R_I2p1Tq2QU).

– HS làm việc cá nhân và thực hiện yêu cầu: Kể tên các sản phẩm công nghệ mà em thấy được trong đoạn video clip và nêu cảm nhận về chúng.

– GV chốt nội dung và giới thiệu vào bài.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố mạch kiến thức về sản phẩm công nghệ trong gia đình và cho biết tác dụng của chúng.

b. Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu trong SHS: Sản phẩm công nghệ nào dưới đây thường được sử dụng trong gia đình? Nêu tác dụng của các sản phẩm đó.

– HS trả lời câu hỏi và GV nhận xét.

– HS cùng GV rút ra kết luận.

c. Kết luận:

Có rất nhiều sản phẩm công nghệ được làm từ thiên nhiên, tuy nhiên con người nên hạn chế khai thác để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Hoạt động 2: Vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học về các sản phẩm công nghệ vào thực tiễn ở gia đình.

b. Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS trả lời yêu cầu trong SHS:

1. Em hãy cùng bạn kể tên những sản phẩm công nghệ có trong gia đình mình.

Gợi ý: GV tổ chức cho HS nêu cách sử dụng một số sản phẩm công nghệ trong gia đình và những lưu ý khi sử dụng.

GV đặt câu hỏi cho HS: Khi không hiểu về những sản phẩm công nghệ trong gia đình, em cần làm gì để sử dụng chúng đúng cách và đảm bảo an toàn?

2. Em cùng người thân giữ gìn các sản phẩm công nghệ trong gia đình bằng cách sử dụng đúng cách và an toàn.

Gợi ý: GV tổ chức cho HS sắm vai, thực hành sử dụng một số sản phẩm công nghệ trong gia đình (tivi, tủ lạnh, quạt điện, điện thoại,...) đúng cách và an toàn.

– HS cùng GV rút ra kết luận.

c. Kết luận:

Sản phẩm công nghệ khi sử dụng cần đọc kỹ hướng dẫn, em có thể trao đổi với người lớn trong gia đình để được hướng dẫn và giúp đỡ khi cần thiết, cần đảm bảo tuyệt đối an toàn và tránh lãng phí để tiết kiệm chi phí cho bản thân và gia đình.

2.3. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại các kiến thức vừa học.

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ

Nội dung	Tốt 	Đạt 	Cần cố gắng 
Em phân biệt được đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ.			
Em nêu được tác dụng của một số sản phẩm công nghệ trong gia đình em.			
Em biết giữ gìn sản phẩm công nghệ.			

Bài 2. SỬ DỤNG ĐÈN HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Nêu được tác dụng và mô tả được các bộ phận chính của đèn học.
- Nhận biết được một số loại đèn học thông dụng.
- Xác định vị trí đặt đèn; bật, tắt, điều chỉnh được độ sáng của đèn học.
- Nhận biết và phòng tránh được những tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn học.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Năng lực chung: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất: chăm chỉ; trung thực; trách nhiệm.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ.
- Sử dụng công nghệ.
- Giao tiếp công nghệ.

II. PHƯƠNG TIỆN – THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Đèn học; sơ đồ cấu tạo đèn học.
- Hình ảnh minh họa các bước thực hành; một số hình ảnh sử dụng đèn gây mất an toàn,...

2. Học sinh

Đèn học, SHS,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Mục tiêu: HS nêu được tác dụng và mô tả được các bộ phận chính của đèn học.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích sự tò mò, khám phá kiến thức của HS.

b. Cách tiến hành:

– GV đặt một số câu hỏi, HS trả lời theo tình hình thực tế (GV có thể sử dụng kĩ thuật dạy học KWL ở các bài 2, 3, 4, 5).

- + Bạn nào ở nhà có sử dụng đèn học?
- + Tác dụng chính của đèn học là gì?

- + Sử dụng đèn học như thế nào là đúng cách?
- HS trả lời theo tình hình thực tế, GV không chốt đúng hay sai.
- GV cho HS nêu ý kiến thắc mắc liên quan đến bài học.
- GV dẫn dắt vào bài học: Để tìm hiểu và trả lời các thắc mắc, chúng ta sẽ bước vào bài ngày hôm nay – Bài 2. Sử dụng đèn học. Ở tiết 1, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về tác dụng và cấu tạo của đèn học.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu về các bộ phận chính của đèn học

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu tên và tác dụng các bộ phận chính của đèn học.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS quan sát sơ đồ cấu tạo đèn học trong SHS trang 13 và thảo luận cặp đôi để hoàn thành yêu cầu: Em hãy quan sát hình dưới đây và nêu tên các bộ phận chính của đèn học.

- GV mời đại diện HS của các cặp trình bày, bổ sung ý kiến.
- GV cùng HS chốt kiến thức.

c. Kết luận:

Các bộ phận chính của đèn học bao gồm:

- Bóng đèn: là bộ phận tạo ra ánh sáng của đèn.
- Chụp (chao) đèn: là bộ phận tập trung ánh sáng, bảo vệ bóng đèn và chống chói mắt.
- Công tắc đèn: là bộ phận bật, tắt và có thể điều chỉnh độ sáng của đèn.
- Thân đèn: là bộ phận kết nối giữa đế đèn với bóng đèn, chụp (chao) đèn và có thể điều chỉnh độ cao của đèn.
- Đế đèn: là bộ phận giữ cho đèn đứng vững.
- Dây nguồn: là bộ phận kết nối đèn với nguồn điện.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về một số loại đèn thông dụng

a. Mục tiêu: HS biết được một số loại đèn thông dụng.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm bốn, yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trang 13 và cho biết tên của mỗi loại đèn học ứng với mô tả có trong bảng.

1. Đèn học bóng compact.
 2. Đèn học bóng LED tròn hoặc bóng sợi đốt.
 3. Đèn học bóng LED bảng.
- HS trao đổi, chia sẻ tên các bộ phận của từng loại đèn.
 - GV mời đại diện nhóm trình bày.

c. Kết luận:

- Đèn học có nhiều kiểu dáng và màu sắc, nên việc lựa chọn loại đèn học nào còn tùy thuộc vào sở thích, nhu cầu và điều kiện của bản thân.
- Các bộ phận chính của đèn học thường bao gồm: bóng đèn, chụp (chao) đèn, công tắc đèn, thân đèn, đế đèn và dây nguồn.

2.3. Cũng cố, dặn dò

- HS nhắc lại các kiến thức vừa học.
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị hình ảnh cho tiết học sau.

3. Đánh giá

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

TIẾT 2

1. Mục tiêu: HS biết cách sử dụng đèn học đúng cách và an toàn.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích sự tò mò, khám phá kiến thức của HS.

b. Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS thi đua kể tên một số đèn học thông dụng được sử dụng trong gia đình.
- GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu các bước sử dụng đèn học

a. Mục tiêu: HS biết được các bước sử dụng đèn học.

b. Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm nhỏ để thảo luận các nội dung trong SHS và cùng nhau thực hành sử dụng đèn học theo thứ tự các bước hướng dẫn trong SHS.
- HS đại diện nhóm chia sẻ: Các bước thực hiện sử dụng đèn học theo thứ tự các bước trang 14 trong SHS.
- GV tổ chức cho HS thực hành sử dụng đèn học theo các bước đã trình bày.
- GV cùng HS rút ra kết luận.

c. Kết luận:

Sử dụng đèn học theo các bước sau: đặt đèn ở vị trí phù hợp; bật đèn; điều chỉnh độ sáng và hướng chiếu sáng của đèn học; tắt đèn khi không sử dụng.

Hoạt động 2: Tìm hiểu tình huống gây mất an toàn khi sử dụng đèn học

a. Mục tiêu: HS biết được một số tình huống gây mất an toàn khi sử dụng đèn học.

b. Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin trang 15 trong SHS và trả lời câu hỏi: Những hành động nào gây mất an toàn khi sử dụng đèn học? Vì sao? Em nên làm gì trước những tình huống đó?

Gợi ý:

+ Hành động 1: Điều chỉnh sao cho vị trí ánh sáng đèn chiếu vào khu vực bàn học, không chiếu vào mắt.

+ Hành động 2: Tuyệt đối không chạm vào bóng đèn khi đang sử dụng vì dễ gây bỏng tay, điện giật.

+ Hành động 3: Khi rút phích cắm điện ra khỏi ổ điện không nên kéo dây nguồn vì dễ làm đứt dây điện, hỏng phích cắm gây nguy hiểm cho người sử dụng; nên cầm phần phích cắm thật chắc rồi rút nhanh ra khỏi ổ điện.

+ Hành động 4: Tuyệt đối không được tháo bóng đèn khi đang có điện và không có sự hướng dẫn của người lớn vì sẽ gây nguy hiểm cho bản thân.

– GV và HS nhận xét.

– GV cùng HS rút ra kết luận.

c. Kết luận:

Khi sử dụng đèn học cần đảm bảo tuyệt đối an toàn, không nên tắt các loại đèn trong phòng để tránh mỏi mắt và bị lóa khi nhìn từ sáng ra tối.

2.3. Cũng cố, dặn dò

– HS nhắc lại các kiến thức vừa học.

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

TIẾT 3

1. Mục tiêu: HS củng cố và đánh giá được một số kiến thức về cách sử dụng đèn học.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích sự tò mò, khám phá kiến thức của HS.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS hát, múa, kể chuyện hoặc chơi trò chơi để khởi động tiết học.

– GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Ôn tập tác dụng của đèn học

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức về tác dụng của đèn học.

b. Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS hoàn thành yêu cầu: Những tác dụng nào của đèn học có trong mô tả dưới đây?

Gợi ý: GV hướng dẫn HS đánh dấu X vào những tác dụng của đèn học có trong mô tả ở trang 16 và giải thích lí do vì sao em chọn.

– HS nêu và GV nhận xét.

– GV tổ chức cho HS hoàn thành yêu cầu: Em hãy chọn các bộ phận chính của chiếc đèn học trong mô tả dưới đây.

Gợi ý: GV hướng dẫn HS đánh dấu X vào ô sau các bộ phận chính của đèn học.

– HS trình bày ý kiến lựa chọn và GV nhận xét.

– HS cùng GV rút ra kết luận.

c. Kết luận:

Có rất nhiều sản phẩm công nghệ là đèn học, nên chọn loại đèn phù hợp với khả năng để dễ dàng sử dụng.

Hoạt động 2: Vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn.

b. Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS giải quyết các yêu cầu trong SHS.

1. Hãy lựa chọn một loại đèn học mà em yêu thích và giới thiệu cho các bạn về những bộ phận chính của đèn. Mô tả màu sắc và loại bóng đèn được sử dụng.

Gợi ý:

+ GV tổ chức cho HS chia sẻ nhóm nhỏ và trình bày trước lớp.

+ GV hướng dẫn HS nhận xét và bình chọn người có cách trình bày đầy đủ, mạch lạc, tự tin,...

+ GV tuyên dương HS.

2. Em sẽ làm gì khi thấy chiếc đèn học đang bật sáng, nhưng không thấy người sử dụng như hình ảnh minh họa dưới đây?

Gợi ý: GV hướng dẫn HS nêu hướng giải quyết theo thực tế.



– GV mở rộng giáo dục HS ý thức tắt đèn, quạt trong lớp khi không sử dụng như giờ ra chơi, giờ học thể dục dưới sân, trước khi ra về; giáo dục HS tiết kiệm năng lượng.

2.3. *Củng cố, dặn dò*

- GV đặt câu hỏi cho HS: Qua bài học này, em rút ra được điều gì?
- GV lắng nghe và giải đáp thắc mắc trong phạm vi mục tiêu bài học.
- HS đọc ghi nhớ SHS trang 17.
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. **Đánh giá**

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ

Nội dung	Tốt 	Đạt 	Cần cố gắng 
Em nêu được tác dụng và mô tả được các bộ phận chính của đèn học.			
Em xác định được vị trí đặt đèn; bật, tắt, điều chỉnh được độ sáng của đèn học.			
Em nhận biết và phòng tránh được những tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn học.			
Em biết giữ gìn, bảo quản đèn học.			

Chân trời sáng tạo

Bài 3. SỬ DỤNG QUẠT ĐIỆN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Nêu được tác dụng và mô tả được các bộ phận chính của quạt điện.
- Nhận biết được một số loại quạt điện thông dụng.
- Xác định vị trí đặt quạt; bật, tắt, điều chỉnh được tốc độ quạt phù hợp với yêu cầu sử dụng.
- Nhận biết và phòng tránh được những tình huống mất an toàn khi sử dụng quạt điện.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Năng lực chung: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất: chăm chỉ; trung thực; trách nhiệm.

3. Năng lực công nghệ

- Đánh giá công nghệ.
- Sử dụng công nghệ.
- Giao tiếp công nghệ.

II. PHƯƠNG TIỆN – THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Quạt điện, sơ đồ cấu tạo quạt điện.
- Hình ảnh một số loại quạt điện thông dụng,...

2. Học sinh

- Quạt điện loại nhỏ,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Mục tiêu: HS nêu tác dụng và mô tả được các bộ phận chính của quạt điện.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích sự tò mò, khám phá kiến thức của HS.

b. Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh trang 18 trong SHS và mô tả lại tình huống trong hình.

– GV gọi mở và hướng dẫn HS đặt một số câu hỏi liên quan đến việc sử dụng quạt điện.

– GV nêu: Để tìm hiểu và trả lời các thắc mắc, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu Bài 3. Sử dụng quạt điện. Ở tiết 1, chúng ta sẽ tìm hiểu về tác dụng và cấu tạo của quạt điện.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu về các bộ phận chính của quạt điện

a. Mục tiêu: HS mô tả được các bộ phận chính của quạt điện.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS quan sát sơ đồ cấu tạo quạt điện trong SHS và chỉ trên vật thật để hoàn thành yêu cầu: Em hãy quan sát hình dưới đây và nêu tên các bộ phận chính của quạt điện.

– HS chỉ trên vật thật và trình bày.

– GV cùng HS chốt kiến thức.

c. Kết luận:

Các bộ phận của quạt điện thường gồm: lồng quạt, cánh quạt, thân quạt, đế quạt, hộp động cơ, các bộ phận điều khiển (tốc độ và bảng điều khiển), dây nguồn.

Hoạt động 2: Tìm hiểu tác dụng các bộ phận chính trong quạt điện

a. Mục tiêu: HS nêu được tác dụng các bộ phận chính của quạt điện.

b. Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS hoàn thành yêu cầu: Em hãy chọn tác dụng được mô tả trong bảng dưới đây ứng với bộ phận chính của quạt điện trong hình.

– HS quan sát quạt điện (GV nên hướng dẫn HS quan sát vật thật) và trao đổi trong nhóm tác dụng của từng bộ phận.

– GV tổ chức cho HS trình bày và bổ sung lẫn nhau.

– GV nhận xét.

c. Kết luận:

Tác dụng các bộ phận chính trong quạt điện:

– Đế quạt: giữ cho quạt đứng vững.

– Cánh quạt: tạo ra gió.

– Bảng điều khiển (bộ phận điều khiển): bật, tắt và điều chỉnh tốc độ cánh quạt.

– Lòng quạt: bảo vệ cánh quạt và an toàn cho người sử dụng.

– Thân quạt: gắn đế quạt với động cơ và có thể điều chỉnh độ cao của quạt.

– Tuốc năng (bộ phận điều khiển): điều chỉnh hướng gió.

– Dây nguồn: nối quạt với nguồn điện.

– Hộp động cơ quạt (bầu quạt): bảo vệ động cơ quạt và an toàn cho người sử dụng.

2.3. Cũng cố, dặn dò

– HS nhắc lại các kiến thức vừa học.

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

TIẾT 2

1. Mục tiêu: Tìm hiểu một số loại quạt điện thông dụng và cách sử dụng quạt điện.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích sự tò mò, khám phá kiến thức của HS.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS kể tên một số quạt điện mà HS biết.

– GV giới thiệu, dẫn dắt vào bài.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số quạt điện thông dụng

a. Mục tiêu: HS nhận biết được một số loại quạt điện thông dụng.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức HS quan sát các hình trang 20 trong SHS và thực hiện yêu cầu: Quan sát các hình ảnh quạt điện và đọc các thông tin trong bảng dưới đây, em hãy cho biết đó là loại quạt điện nào.

Gợi ý:

- + Hình a: quạt bàn.
- + Hình b: quạt đứng.
- + Hình c: quạt trần.
- + Hình d: quạt hơi nước.

– HS trao đổi với nhau chỉ các bộ phận của từng loại quạt điện.

– HS trình bày và GV nhận xét.

– GV đặt câu hỏi cho HS: Trong lớp học, chúng ta đang sử dụng loại quạt điện nào? Nêu những lưu ý khi sử dụng quạt giúp tiết kiệm điện nhất.

– GV tích hợp giáo dục HS sử dụng điện đúng cách để tiết kiệm chi phí chi trả tiền điện và tiết kiệm điện để mọi người dùng.

c. Kết luận:

Trên thị trường có rất nhiều quạt điện thông dụng. Tùy theo nhu cầu sử dụng, chúng ta có thể chọn loại quạt phù hợp với sở thích, mong muốn của bản thân.

Hoạt động 2: Tìm hiểu các bước sử dụng quạt điện

a. Mục tiêu: HS biết được các bước sử dụng quạt điện.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm nhỏ để thảo luận và hoàn thành yêu cầu: Nêu các bước sử dụng quạt điện an toàn và hiệu quả.

– HS trả lời theo mô tả trang 20 trong SHS.

– HS cùng nhau thực hiện yêu cầu: Em hãy cùng bạn thực hành sử dụng quạt bàn theo thứ tự các bước trong bảng.

– GV lưu ý trước khi thực hành cần hướng dẫn HS việc sử dụng điện và đảm bảo an toàn tuyệt đối khi tổ chức cho HS trải nghiệm.

– HS đại diện nhóm trình bày.

– GV cùng HS nhận xét.

c. Kết luận:

Sử dụng quạt điện theo các bước sau: đặt quạt điện ở vị trí phù hợp; bật quạt và điều chỉnh tốc độ quay của cánh quạt phù hợp với nhu cầu sử dụng; điều chỉnh hướng gió của quạt phù hợp; tắt quạt khi không sử dụng và vệ sinh quạt.

Hoạt động 3: Tìm hiểu tình huống có thể gây mất an toàn khi sử dụng quạt điện

a. Mục tiêu: HS nhận biết và phòng tránh được những tình huống mất an toàn khi sử dụng quạt điện.

b. Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trang 22 trong SHS và trả lời câu hỏi: Tình huống nào có thể gây mất an toàn khi sử dụng quạt điện? Vì sao?

– HS nêu ý kiến dựa trên các hình cho trước.

– GV nhận xét.

c. Kết luận:

Khi sử dụng quạt điện cần đảm bảo tuyệt đối an toàn, em cần có sự hỗ trợ của người lớn khi cắm phích điện, tắt khi không sử dụng và kiểm tra sự mất an toàn trước khi sử dụng.

2.3. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại các kiến thức vừa học.

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

TIẾT 3

1. Mục tiêu: HS củng cố và đánh giá được một số kiến thức về cách sử dụng quạt điện.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích sự tò mò, khám phá kiến thức của HS.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS hát/ múa/ chơi trò chơi/ kể chuyện để khởi động tiết học.

– GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Ôn tập sử dụng quạt điện đúng cách và an toàn

a. Mục tiêu: HS ôn tập tác dụng của quạt điện.

b. Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu phần Luyện tập trang 23 trong SHS và làm việc cá nhân: Em hãy chọn những mô tả sử dụng quạt điện đúng cách và an toàn trong bảng.

– HS nêu kết quả chọn và nêu lí do không chọn.

Gợi ý không chọn: Chỉ sử dụng quạt vào ban ngày. Không chọn vì ta vẫn có thể sử dụng quạt vào ban đêm và vào ban ngày khi trời nóng.

- GV yêu cầu HS nhắc lại cách sử dụng quạt điện đúng cách và an toàn.
- GV nhận xét.

Hoạt động 2: Vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn sử dụng quạt điện tại nhà.

b. Cách tiến hành:

- GV tổ chức HS trao đổi các câu hỏi trong SHS.

1. Gia đình em sử dụng những loại quạt điện nào?

Gợi ý: GV hướng dẫn HS trả lời theo thực tế tại gia đình. GV có thể hỏi thêm câu mở rộng: Lớp học của em đang sử dụng loại quạt điện nào?

2. Em sẽ làm gì khi nghe quạt điện phát ra âm thanh bất thường trong lúc đang hoạt động?

Gợi ý: GV hướng dẫn HS trả lời dựa trên các kiến thức đã học. GV có thể hỏi thêm: Em sử dụng quạt điện như thế nào để tiết kiệm điện?

- HS chia sẻ trước lớp.
- GV hướng dẫn HS nhận xét.

2.3. Củng cố, dặn dò

- GV đặt câu hỏi cho HS: Qua bài học này, em rút ra được điều gì?
- GV lắng nghe và giải đáp thắc mắc trong phạm vi mục tiêu bài học.
- GV mời hai đến ba HS đọc ghi nhớ trang 23 trong SHS.
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ

Nội dung	Tốt 	Đạt 	Cần cố gắng 
Em nêu được tác dụng và mô tả được các bộ phận chính của quạt điện.			
Em nhận biết được một số loại quạt điện thông dụng.			
Em xác định được vị trí đặt quạt; bật, tắt, điều chỉnh được tốc độ quạt phù hợp với yêu cầu sử dụng.			
Em nhận biết và phòng tránh được những tình huống mất an toàn khi sử dụng quạt điện.			

Bài 4. SỬ DỤNG MÁY THU THANH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Nêu được tác dụng của máy thu thanh.
- Dựa vào sơ đồ khối, mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài phát thanh và máy thu thanh.
- Kể tên và nêu được nội dung phát thanh của một số chương trình phù hợp với lứa tuổi học sinh trên đài phát thanh.
- Chọn được kênh phát thanh, thay đổi âm lượng theo ý muốn.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Năng lực chung: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất: chăm chỉ; trung thực; trách nhiệm.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ.
- Đánh giá công nghệ.
- Sử dụng công nghệ.
- Giao tiếp công nghệ.

II. PHƯƠNG TIỆN – THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Giáo viên

Máy thu thanh; sơ đồ cấu tạo máy thu thanh,...

2. Học sinh

Sách học sinh, danh sách các kênh sóng phát thanh mà HS biết,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Mục tiêu: HS nêu tác dụng và mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài phát thanh và máy thu thanh.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích sự tò mò, khám phá kiến thức của HS.

b. Cách tiến hành:

- GV đặt một số câu hỏi gợi mở cho HS.

Gợi ý:

- + Em hiểu gì về máy thu thanh?
- + Em có biết máy thu thanh hoạt động như thế nào không?
- + Nếu không có máy thu thanh thì cuộc sống của chúng ta sẽ như thế nào?
- HS trả lời theo những gì đã biết.
- GV cho HS nêu ý kiến thắc mắc liên quan đến bài học.
- GV nêu: Để tìm hiểu và trả lời các thắc mắc, chúng ta sẽ bước vào tìm hiểu Bài 4. Sử dụng máy thu thanh. Ở tiết 1, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về tác dụng, mối quan hệ đơn giản giữa đài phát thanh và máy thu thanh.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu tác dụng của máy thu thanh

a. Mục tiêu: HS biết được tác dụng của máy thu thanh.

b. Cách tiến hành:

– GV sử dụng máy thu thanh để mở một số chương trình giải trí, học tập phù hợp với lứa tuổi HS; chương trình tin tức của một số đài phát thanh như đài Tiếng nói Việt Nam, đài phát thanh của địa phương,... cho HS nghe và nêu ý kiến của mình về tác dụng của máy thu thanh.

– GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh trang 25 trong SHS và hoàn thành yêu cầu: Dựa vào hình và các thông tin trong bảng, em hãy chọn những tác dụng của máy thu thanh.

– HS trả lời, GV nhận xét.

– GV và HS cùng rút ra kết luận.

c. Kết luận:

– Máy thu thanh là một sản phẩm công nghệ, có tác dụng thu tín hiệu của đài phát thanh để phát ra âm thanh.

Hoạt động 2: Tìm hiểu mối quan hệ giữa đài phát thanh và máy thu thanh

a. Mục tiêu: HS mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài phát thanh và máy thu thanh.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi, đọc thông tin trang 26 trong SHS và hoàn thành yêu cầu: Quan sát các hình vẽ trong sơ đồ và đọc các thông tin trong bảng, em hãy sắp xếp đúng thứ tự hoạt động của đài phát thanh và máy thu thanh.

– HS thảo luận và trình bày. GV nhận xét.

– GV cùng HS rút ra kết luận.

c. Kết luận:

Hoạt động của đài phát thanh và máy thu thanh được thực hiện theo các bước:

Âm thanh được thu lại và chuyển thành các tín hiệu, sau đó truyền tín hiệu đến đài phát thanh → đài phát thanh phát các tín hiệu ra môi trường → tín hiệu được máy thu

thanh thu lại qua ăng ten và chuyển thành âm thanh (tiếng nói phát thanh viên, nhạc,...) phát ra loa.

2.3. Cũng cố, dặn dò

- HS nhắc lại các kiến thức vừa học.
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

TIẾT 2

1. Mục tiêu: HS kể tên, nêu được nội dung phát thanh và biết sử dụng máy thu thanh đúng cách.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích sự tò mò, khám phá của HS và tạo tâm thế chuẩn bị vào tiết học.

b. Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Kể tên một số chuyên mục trên đài phát thanh mà em biết.
- Giáo viên giới thiệu, dẫn dắt vào bài.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu chương trình phát thanh

a. Mục tiêu: HS kể tên và nêu được nội dung phát thanh của một số chương trình phù hợp với lứa tuổi học sinh trên đài phát thanh.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi sắm vai làm “phát thanh viên”. Một nhóm HS giới thiệu bất kì chương trình thiếu nhi nào của đài phát thanh (GV có thể gợi ý cho HS chọn một số chương trình trong SHS hoặc các chương trình thiếu nhi của đài phát thanh địa phương). Sau đó, HS nhóm khác lắng nghe và đoán đó là chương trình gì.

- HS kể tên một số tiết mục mà em đã từng xem có trong chương trình vừa nêu.
- GV cho HS xem hoặc nghe một số chương trình phát thanh thiếu nhi phù hợp lứa tuổi.
- GV và HS cùng rút ra kết luận.

c. Kết luận:

Đài phát thanh có rất nhiều chương trình bổ ích, đặc biệt là các chương trình dành cho thiếu nhi, qua đó các em được học tập, giải trí. Các em nên thường xuyên đón xem các chương trình đó để ngoài việc giải trí còn bổ sung thêm nhiều kiến thức cho bản thân.

Hoạt động 2: Tìm hiểu cách sử dụng máy thu thanh

a. Mục tiêu: HS biết được cách sử dụng máy thu thanh.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm và hoàn thành yêu cầu: Em hãy cùng bạn thực hành sử dụng máy thu thanh theo thứ tự các bước trong bảng.

– Khi hướng dẫn thực hành, GV cần lưu ý trước cho HS việc sử dụng điện và đảm bảo an toàn tuyệt đối khi tổ chức thực hành.

– HS cùng nhau thực hành theo các bước vừa nêu và chọn kênh phát thanh, thay đổi âm lượng theo ý muốn.

– GV cùng HS nhận xét.

c. Kết luận:

Sử dụng máy thu thanh đúng cách theo các bước: bật công tắc nguồn; điều chỉnh âm lượng; chọn AM/FM và dò kênh để chọn chương trình phát thanh; tắt nguồn khi không sử dụng và vệ sinh máy thu thanh.

2.3. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại các kiến thức vừa học.

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

TIẾT 3

1. Mục tiêu: HS củng cố và đánh giá được một số kiến thức về cách sử dụng máy thu thanh.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế sẵn sàng vào tiết học.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức HS hát/ chơi trò chơi/ múa/ kể chuyện để khởi động tiết học.

– GV giới thiệu và dẫn dắt vào tiết học.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Ôn tập tác dụng của máy thu thanh

a. Mục tiêu: HS củng cố tác dụng của máy thu thanh và biết giới thiệu một chương trình phát thanh mà em biết.

b. Cách tiến hành:

GV hướng dẫn HS hoàn thành yêu cầu trong SHS.

1. Em hãy cho biết tác dụng của máy thu thanh.
 2. Hãy giới thiệu với bạn chương trình phát thanh mà em yêu thích.
- GV mời HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.
 - GV nhận xét chung hoạt động của lớp.

Hoạt động 2: Vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn.

b. Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS hoàn thành yêu cầu trong SHS: Em có thể sử dụng những thiết bị nào dưới đây để nghe chương trình phát thanh?

Hình minh họa	Tên thiết bị	Chọn
	Điện thoại thông minh	?
	Máy thu hình (tivi)	?
	Máy vi tính	?

Gợi ý: GV tổ chức cho HS cùng trải nghiệm chọn thiết bị sử dụng để nghe chương trình phát thanh. HS chia sẻ và giới thiệu với các bạn cách sử dụng các thiết bị đó. GV có thể hướng dẫn HS trải nghiệm thêm tại nhà.

c. Kết luận:

Máy thu thanh ngày nay có thể được tích hợp với một số thiết bị điện tử. Chúng ta có thể khai thác và sử dụng chúng hiệu quả cho việc học tập, giải trí, tra cứu thông tin. Tuy nhiên, cần sử dụng hợp lý máy thu thanh và xem các chương trình phát thanh phù hợp với lứa tuổi.

2.3. củng cố, dặn dò

– GV đặt câu hỏi cho HS: Qua bài học này, em rút ra được điều gì?

- GV lắng nghe và giải đáp thắc mắc trong phạm vi mục tiêu bài học.
- GV mời hai đến ba HS đọc ghi nhớ trang 29 trong SHS.
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- GV đánh giá quá trình HS học tập và hướng dẫn HS tự đánh giá.

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ

Nội dung	Tốt 	Đạt 	Cần cố gắng 
Em nêu được tác dụng của máy thu thanh.			
Em mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài phát thanh và máy thu thanh.			
Em kể tên được một số chương trình phù hợp với lứa tuổi.			
Em sử dụng được máy thu thanh.			

Bài 5. SỬ DỤNG MÁY THU HÌNH

Chân trời sáng tạo

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Trình bày được tác dụng của máy thu hình (tivi) trong gia đình.
- Dựa vào sơ đồ khối, mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài truyền hình và tivi.
- Kể được tên và nêu được nội dung của một số kênh truyền hình phổ biến, phù hợp với học sinh.
- Lựa chọn được vị trí ngồi đảm bảo góc nhìn và khoảng cách hợp lý khi xem tivi.
- Chọn được kênh, điều chỉnh được âm thanh của tivi theo ý muốn.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Năng lực chung: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất: chăm chỉ; trung thực; trách nhiệm.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ.

- Đánh giá công nghệ.
- Sử dụng công nghệ.
- Giao tiếp công nghệ.

II. PHƯƠNG TIỆN – THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Giáo viên

Máy thu hình (tí vi); hình ảnh về sơ đồ cấu tạo máy thu hình (tí vi).

2. Học sinh

Tìm hiểu một số kênh truyền hình, một số chương trình được phát sóng trên tí vi;...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Mục tiêu: HS trình bày được tác dụng của máy thu hình (tí vi) trong gia đình.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích sự tò mò, khám phá kiến thức của HS.

b. Cách tiến hành:

Cách 1:

– GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh trang 30 trong SHS và yêu cầu HS mô tả lại tình huống trong hình.

– GV dẫn dắt vào bài: Để giúp bố trả lời cho câu hỏi của bạn nhỏ, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu nội dung Bài 5. Sử dụng máy thu hình. Ở tiết 1, chúng ta sẽ tìm hiểu về tác dụng của tí vi; mối quan hệ giữa đài truyền hình và tí vi.

Cách 2:

– GV đặt một số câu hỏi để HS trả lời tự nhiên.

Gợi ý:

- + Em có biết tí vi hoạt động như thế nào không?
- + Theo em, khoảng cách ngồi xem tí vi như thế nào là hợp lí?
- + Tí vi quan trọng như thế nào đối với đời sống của chúng ta?
- + Theo em, chúng ta nên sử dụng tí vi như thế nào để có hiệu quả và an toàn?
- HS trả lời tự nhiên, GV không chốt đúng hay sai.
- GV cho HS nêu ý kiến thắc mắc liên quan đến bài học.

– GV nêu: Để tìm hiểu và trả lời các thắc mắc, chúng ta sẽ bước vào tìm hiểu Bài 5. Sử dụng máy thu hình. Ở tiết 1, chúng ta sẽ tìm hiểu về tác dụng của tí vi; mối quan hệ giữa đài truyền hình và tí vi.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu tác dụng của ti vi

a. Mục tiêu: HS trình bày được tác dụng của ti vi.

b. Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS đọc và hoàn thành yêu cầu trong SHS: Dựa vào hình ảnh và các thông tin trong bảng, em hãy chọn những tác dụng của ti vi.

Gợi ý: Ti vi thu tín hiệu truyền hình qua ăng ten hoặc cáp truyền hình → chuyển tín hiệu thành hình ảnh và âm thanh → phát hình ảnh ra màn hình và âm thanh ra loa để phục vụ xem các chương trình tin tức, giáo dục và giải trí.

– GV đặt câu hỏi mở rộng: Ti vi giúp đỡ em trong việc học tập và giải trí như thế nào?

– HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung. Gợi ý: xem thời sự, xem dự báo thời tiết, học tập, xem ca nhạc, giải trí, xem hoạt hình thiếu nhi, xem thể thao,...

– GV cho HS xem sơ lược một số chương trình trên ti vi phù hợp với lứa tuổi HS.

c. Kết luận:

Ti vi là một sản phẩm công nghệ có tác dụng thu tín hiệu truyền hình thông qua ăng ten hoặc cáp truyền hình để chuyển thành hình ảnh phát ra màn hình và âm thanh phát ra loa, phục vụ xem tin tức, giáo dục và giải trí.

Hoạt động 2: Tìm hiểu mối quan hệ giữa đài truyền hình và ti vi

a. Mục tiêu: HS mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài truyền hình và ti vi.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi và hoàn thành yêu cầu: Quan sát các hình trong sơ đồ và đọc các thông tin trong bảng, em hãy sắp xếp đúng thứ tự hoạt động của đài truyền hình và ti vi.

– HS thảo luận và trình bày ý kiến.

– GV nhận xét và cùng HS rút ra kết luận.

c. Kết luận:

Các chương trình truyền hình được sản xuất tại đài truyền hình (trường quay của đài truyền hình), sau đó chuyển thành tín hiệu truyền hình → đài truyền hình phát tín hiệu ra môi trường → tín hiệu được ăng ten thu lại và truyền đến ti vi. Tín hiệu cũng có thể được truyền đến ti vi thông qua cáp truyền hình (truyền hình cáp) → ti vi chuyển tín hiệu nhận được thành hình ảnh và âm thanh.

2.3. củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại các kiến thức vừa học.

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

1. Mục tiêu

– Kể được tên và nêu được nội dung của một số kênh truyền hình phổ biến, phù hợp với HS.

– Lựa chọn được vị trí ngồi đảm bảo góc nhìn và khoảng cách hợp lý khi xem ti vi.

– Chọn được kênh, điều chỉnh được âm thanh của ti vi theo ý muốn.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích sự tò mò, khám phá kiến thức của HS và tạo tâm thế chuẩn bị vào tiết học.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi. GV cho HS xem video clip một số chương trình truyền hình của một số kênh truyền hình khác nhau (GV nên chọn một số kênh truyền hình quốc gia, địa phương; các chương trình phù hợp với lứa tuổi HS), HS phải đoán xem đó là chương trình gì và của kênh truyền hình nào.

– GV dẫn dắt, giới thiệu bài.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số kênh truyền hình phổ biến

a. Mục tiêu: HS kể được tên và nêu được nội dung của một số kênh truyền hình phổ biến.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức (hoặc hướng dẫn HS tổ chức, điều khiển, làm quản trò trò chơi). Luật chơi: HS kể tên một số kênh truyền hình đã và đang phát sóng trên ti vi gồm một số kênh truyền hình quốc gia, địa phương; các chương trình phù hợp với lứa tuổi.

– GV yêu cầu HS hoàn thành yêu cầu trang 33 trong SHS: Em hãy giới thiệu kênh truyền hình của đài truyền hình như mô tả trong bảng.

– GV đặt câu lệnh mở rộng: Em hãy nêu thêm các chương trình khác mà em biết trên các kênh truyền hình của VTV.

– GV giới thiệu đến HS: Đài Truyền hình Việt Nam (viết tắt VTV) là đài truyền hình quốc gia trực thuộc Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hiện nay Đài Truyền hình Việt Nam đang có 11 kênh truyền hình được phủ sóng toàn quốc.

– GV đặt câu hỏi cho HS: Em thường xem những kênh truyền hình nào? Em thích chương trình nào nhất? Vì sao?

– HS chia sẻ hiểu biết của mình về nội dung của một số chương trình phù hợp với lứa tuổi trên ti vi.

c. Kết luận:

Ti vi là thiết bị giúp chúng ta học tập, giải trí và khám phá rất nhiều điều mới lạ, bổ ích từ cuộc sống xung quanh.

Hoạt động 2: Lựa chọn vị trí ngồi khi xem ti vi

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được vị trí ngồi đảm bảo góc nhìn và khoảng cách hợp lý khi xem ti vi.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS hoàn thành yêu cầu trang 33 trong SHS: Dựa vào hình ảnh và các thông tin mô tả, em hãy lựa chọn vị trí ngồi xem ti vi có khoảng cách hợp lý và góc nhìn thích hợp để bảo vệ mắt.

– HS trả lời cá nhân.

– Nếu lớp học có ti vi thì GV nên cho HS thực hành ngồi như thế nào là đúng vị trí hoặc HS thực hành xem ti vi tại nhà sau đó ghi hình lại, GV tổ chức cho HS cùng nhau nhận xét các hình ảnh đã chuẩn bị trước đó ở nhà. Tùy theo tình hình thực tế và điều kiện của từng địa phương mà GV tổ chức sao cho phù hợp và đạt hiệu quả.

– GV hướng dẫn HS nhận xét và rút ra kết luận.

c. Kết luận:

Chúng ta cần lựa chọn vị trí ngồi xem ti vi có khoảng cách và góc nhìn hợp lý để bảo vệ mắt. Âm lượng của ti vi nên chỉnh vừa đủ nghe khi xem chương trình truyền hình để không làm ảnh hưởng đến mọi người xung quanh.

Hoạt động 3: Tìm hiểu cách sử dụng ti vi

a. Mục tiêu: HS biết được cách sử dụng ti vi.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS hoàn thành yêu cầu: Em hãy cùng bạn thực hành sử dụng ti vi thông qua bộ điều khiển từ xa theo các bước hướng dẫn trang 34 trong SHS.

– HS thực hành theo nhóm.

– GV lưu ý trước khi thực hành cần hướng dẫn HS việc sử dụng điện và đảm bảo an toàn tuyệt đối khi tổ chức thực hành.

– HS đại diện nhóm trình bày.

– GV cùng HS nhận xét và rút ra kết luận.

c. Kết luận:

Sử dụng ti vi thông qua bộ điều khiển từ xa theo các bước sau: bấm nút ON/OFF để mở ti vi; bấm các kí hiệu +/- trên phím VOL để điều chỉnh âm lượng; bấm các phím số từ 0 đến 9 để chọn kênh truyền hình; bấm phím ON/OFF để tắt ti vi khi không sử dụng.

2.3. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại các kiến thức vừa học.

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

TIẾT 3

1. Mục tiêu: HS củng cố và đánh giá được một số kiến thức đã học.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích sự tò mò, khám phá kiến thức của HS.

b. Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS hát/ chơi trò chơi/ múa/ kể chuyện để khởi động tiết học.
- GV giới thiệu, dẫn dắt vào bài.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS củng cố được một số kiến thức đã học trong bài về máy thu hình.

b. Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu trang 35 trong SHS:

1. Ti vi thu tín hiệu các chương trình truyền hình từ đài truyền hình thông qua những bộ phận nào?

Gợi ý: GV hướng dẫn HS trả lời cá nhân.

2. Hãy giới thiệu kênh truyền hình hoặc chương trình truyền hình mà em yêu thích.

Gợi ý: GV hướng dẫn HS sắm vai “người dẫn chương trình truyền hình” để giới thiệu kênh truyền hình hoặc chương trình truyền hình mà HS yêu thích, các HS nhóm khác đoán đó là chương trình gì và của kênh truyền hình nào.

- HS nhận xét và bình chọn “người dẫn chương trình” cả lớp thích nhất.
- GV nhận xét hoạt động.

Hoạt động 2: Vận dụng

a. Mục tiêu: Hệ thống kiến thức đã học về máy thu hình.

b. Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS thực hiện theo yêu cầu.

1. Hãy kể tên kênh truyền hình có phát sóng các chương trình truyền hình được mô tả trong bảng.

Gợi ý:

Thứ tự	Chương trình truyền hình	Kênh truyền hình
1	24h công nghệ	VTV1
2	Thế giới tuổi thơ	VTV2
3	Bản tin tiếng Anh	VTV4
4	Thời sự 19:00 (19h)	VTV1, VTV3
5	Chương trình thiếu nhi	VTV2, VTV7

– GV đặt yêu cầu mở rộng cho HS: Hãy cho biết kênh phát sóng, thời gian và ngày phát sóng các chương trình truyền hình được gợi ý trong bảng. Em thích nhất chương trình nào? Chia sẻ cùng với bạn một nội dung mà em thích.

– HS chia sẻ cặp đôi.

2. Chương trình truyền hình có thể được xem bằng những thiết bị nào có trong bảng dưới đây?

Gợi ý:

– GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS: Ngày nay, ti vi có thể được tích hợp trong các thiết bị điện tử nào? GV gợi ý cho HS trả lời: điện thoại thông minh, máy nghe nhạc, máy vi tính,...

– GV hướng dẫn HS trải nghiệm kết nối ti vi với các thiết bị vừa nêu hoặc yêu cầu HS về nhà cùng trải nghiệm với người thân trong gia đình.

c. Kết luận:

Ti vi ngày nay có thể được tích hợp với một số thiết bị điện tử. Chúng ta có thể khai thác sử dụng hiệu quả cho việc học tập, giải trí, tra cứu thông tin. Tuy nhiên cần sử dụng hợp lý và xem các chương trình phù hợp với lứa tuổi.

2.3. Cũng cố, dẫn dò

– GV đặt câu hỏi cho HS: Qua bài học này, em rút ra được điều gì?

– GV lắng nghe và giải đáp thắc mắc của HS trong phạm vi mục tiêu bài học.

– GV mời hai đến ba HS đọc ghi nhớ trang 36 trong SHS.

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– GV đánh giá quá trình HS học tập và hướng dẫn HS tự đánh giá.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Nội dung	Tốt 	Đạt 	Cần cố gắng 
Em trình bày được tác dụng của ti vi trong gia đình.			
Em mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài truyền hình và ti vi.			
Em kể tên được một số kênh truyền hình phổ biến và chương trình phù hợp với lứa tuổi.			
Em biết chọn vị trí ngồi xem ti vi có khoảng cách hợp lý và góc nhìn thích hợp.			
Em biết cách sử dụng ti vi.			

Bài 6. AN TOÀN VỚI MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ TRONG GIA ĐÌNH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Nhận biết và phòng tránh được một số tình huống không an toàn cho con người từ môi trường công nghệ trong gia đình.
- Báo cho người lớn biết khi có sự cố, tình huống mất an toàn xảy ra.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Phẩm chất: chăm chỉ; trung thực; trách nhiệm.
- Năng lực chung: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ.
- Đánh giá công nghệ.
- Giao tiếp công nghệ.

II. PHƯƠNG TIỆN – THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Tranh ảnh, video clip về tình huống an toàn và mất an toàn với môi trường công nghệ trong gia đình.
- Bảng nhóm, giấy và bút lông.

2. Học sinh

Sưu tầm hình ảnh, câu chuyện, tình huống liên quan đến nội dung bài.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Mục tiêu: Nhận biết và phòng tránh được một số tình huống không an toàn cho con người từ môi trường công nghệ trong gia đình.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích HS quan sát, phát hiện một số tình huống không an toàn cho con người từ môi trường công nghệ trong gia đình.

b. Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh trang 37 trong SHS và chỉ ra những trường hợp không an toàn.

– HS trả lời câu hỏi theo suy nghĩ cá nhân.

Gợi ý: Dùng tay giật dây điện, chạm vào ổ điện, xoay người làm ngã quạt đang quay, dùng tay đưa vào cánh quạt đang quay, ly nước nóng trên bàn đổ xuống,...

– GV chốt: Chúng ta cần quan sát, nhận biết và phòng tránh những tình huống không an toàn cho con người từ môi trường công nghệ trong gia đình.

– GV giới thiệu mục tiêu bài học.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu tình huống mất an toàn trong gia đình

a. Mục tiêu: HS nhận biết được một số tình huống mất an toàn trong gia đình.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh trang 38 trong SHS.

– HS làm việc cá nhân, sau đó thảo luận nhóm đôi để nhận biết và chỉ ra những trường hợp có thể gây hại cho con người từ môi trường công nghệ trong gia đình.

– GV gợi ý để HS giải thích những tình huống mà các em đã chọn.

– HS cả lớp lắng nghe, trao đổi, tranh luận.

– GV chỉnh sửa và chốt nội dung đúng.

Gợi ý: Trường hợp có thể gây hại cho em và gia đình: chạm tay vào ổ điện, ngồi xem ti vi gần màn hình, chạm điện, rò khí ga.

– GV mở rộng, đặt yêu cầu cho HS: Em hãy kể lại hoặc nêu một số tình huống mất an toàn mà em đã thấy, đã nghe, đã xem,... trong thực tế.

– GV chốt nội dung và chuyển sang hoạt động tiếp theo.

– HS nhắc lại hoặc sắm vai để mô tả, thực hành sử dụng an toàn những sản phẩm công nghệ trong gia đình như bật – tắt điện, sử dụng quạt điện, ti vi,...

c. Kết luận:

Không chạm tay vào ổ điện, không ngồi xem ti vi gần màn hình, rút phích cắm điện khi không sử dụng đồ dùng điện, tắt/khoá ga sau khi sử dụng,...

Hoạt động 2: Tìm hiểu cách phòng tránh tình huống mất an toàn khi sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình

a. Mục tiêu: HS nêu được cách xử lý đối với một số tình huống mất an toàn khi sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS quan sát các hình ảnh trang 39 trong SHS.

– HS làm việc cá nhân, sau đó sắm vai theo nhóm để mô tả lại các tình huống trong hình và trình bày cách xử lý của nhóm trước tình huống đó sao cho đảm bảo an toàn.

Gợi ý: Cách xử lý các tình huống gây mất an toàn trang 39 trong SHS.

+ Chập điện, cháy do sử dụng chung phích cắm điện: ngắt nguồn điện (cúp cầu dao điện), chạy báo tin cho người lớn (ông bà, cha mẹ, anh chị, hàng xóm), gọi tổng đài PCCC 114,...

+ Rút phích cắm điện bằng cách kéo dây nguồn: đứt dây điện, bị điện giật, hư hỏng thiết bị,...

+ Chọc đồ vật vào ổ điện: điện giật, hư ổ điện, chập – cháy các thiết bị đang cắm điện,...

+ Để mặt bàn là còn nóng lên quần áo trong thời gian dài: hỏng – cháy quần áo, cháy nhà,...

+ Sử dụng điện thoại khi đang sạc pin: nổ điện thoại, ảnh hưởng đến tính mạng (phỏng mặt, tay, chân, điện giật,...).

– GV mở rộng yêu cầu cho HS: Hãy mô tả và xử lý một số tình huống mất an toàn mà các em đã thấy, đã nghe, đã xem,... trong thực tế.

– GV chốt, rút ra kiến thức và kĩ năng cần có để nhận biết và phòng tránh những tình huống mất an toàn từ môi trường công nghệ trong gia đình.

c. Kết luận:

– Cần sử dụng các sản phẩm công nghệ trong gia đình đúng cách và an toàn (không chọc vật nhọn vào ổ điện, không dùng tay giật dây điện, không vừa dùng vừa sạc điện thoại,...).

– Thường xuyên kiểm tra đồ dùng điện trong gia đình trước và sau khi sử dụng.

– Nhờ người lớn hỗ trợ khi sử dụng sản phẩm công nghệ và khi gặp các tình huống gây mất an toàn.

2.3. Cũng cố, dặn dò

– HS nhắc lại các kiến thức vừa học.

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

TIẾT 2

1. Mục tiêu

– HS củng cố và đánh giá được một số kiến thức đã học ở tiết 1.

– Nhận biết và xử lý được những tình huống mất an toàn từ môi trường công nghệ trong gia đình.

– Biết cách phòng tránh những tình huống mất an toàn từ môi trường công nghệ trong gia đình.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích HS quan sát, vận dụng kiến thức đã học trước một số tình huống không an toàn cho con người từ môi trường công nghệ trong gia đình.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh, video clip và hoàn thành yêu cầu: Nhận biết và chỉ ra cách phòng tránh những tình huống không an toàn từ môi trường công nghệ trong gia đình.

– HS nhận biết, giải thích, GV nhận xét.

– GV chốt và giới thiệu bài mới.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS vận dụng những điều đã học vào lựa chọn cách phòng tránh phù hợp với tình huống gây mất an toàn.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS xem hình ảnh, video clip liên quan đến nội dung trang 40 trong SHS. GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân và hoàn thành yêu cầu: Em hãy chọn các cách phòng tránh phù hợp với tình huống gây mất an toàn có trong bảng dưới đây.

– HS trả lời câu hỏi theo suy nghĩ cá nhân.

Gợi ý:

+ Không chạm vào chỗ lõp vỏ cách điện bị hỏng.

+ Ngắt nguồn điện.

+ Thay dây điện mới.

+ Thông báo cho người lớn.

– GV gợi ý để HS giải thích được lí do vì sao chọn cách phòng tránh và xử lí tình huống đã trình bày.

– GV tổ chức cho HS nêu thắc mắc, tranh luận, giải thích,...

– GV mở rộng yêu cầu cho HS: Hãy thảo luận theo nhóm, trao đổi và kể lại một số tình huống mất an toàn mà các em đã thấy, đã nghe, đã xem, sau đó thảo luận cách xử lí hợp lí, an toàn.

– GV mời đại diện một số nhóm trình bày.

– GV chốt kiến thức, kĩ năng xử lí an toàn.

Hoạt động 2: Vận dụng

a. Mục tiêu: Hệ thống kiến thức đã học về an toàn với môi trường công nghệ trong gia đình.

b. Cách tiến hành:

– HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm, hoàn thành yêu cầu trang 41 trong SHS: Chúng ta cần phải làm gì với đồ dùng điện trong gia đình khi ra khỏi nhà?

+ Thường xuyên kiểm tra đồ dùng điện.

- + Tắt nguồn điện khi không sử dụng.
- + Giữ khoảng cách an toàn khi xem tivi.
- + Sử dụng đồ điện đúng cách.
- + Nhờ người lớn hướng dẫn.
- GV gợi ý để HS mô tả, giải thích lí do cho các việc làm mà em đã chọn.
- GV tổ chức cho HS nêu thắc mắc, tranh luận, giải thích,...
- GV mở rộng, yêu cầu HS làm việc nhóm, trao đổi, sắm vai thêm một số tình huống mà các em đã thấy, đã nghe, từ đó đưa ra các cách phòng tránh phù hợp cho các tình huống đó khi sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình.
- Đại diện một số nhóm trình bày ý tưởng.
- GV chốt kiến thức, kĩ năng xử lí an toàn.

2.3. **Củng cố, dặn dò**

- HS đọc ghi nhớ trang 41 trong SHS.
- GV nhấn mạnh trọng tâm bài.
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. **Đánh giá**

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- GV đánh giá quá trình học tập của HS và hướng dẫn HS tự đánh giá.

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ

Nội dung	Tốt 	Đạt 	Cần cố gắng 
Em thường xuyên kiểm tra đồ dùng điện trong gia đình trước và sau khi sử dụng.			
Em sử dụng các sản phẩm công nghệ trong gia đình đúng cách và an toàn.			
Em nhận biết được một số tình huống không an toàn cho con người từ môi trường công nghệ trong gia đình.			
Em biết cách phòng tránh một số tình huống không an toàn cho con người từ môi trường công nghệ trong gia đình.			
Em nhờ người lớn hỗ trợ khi sử dụng sản phẩm công nghệ và khi gặp các tình huống gây mất an toàn.			

Dự án 1. TÌM HIỂU SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ TRONG GIA ĐÌNH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

Kể tên, nêu tác dụng và giới thiệu cách sử dụng một sản phẩm công nghệ trong gia đình.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Phẩm chất: chăm chỉ; trung thực; trách nhiệm.
- Năng lực chung: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ.
- Đánh giá công nghệ.
- Sử dụng công nghệ.
- Giao tiếp công nghệ.

II. PHƯƠNG TIỆN – THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Phiếu đánh giá sản phẩm dự án; phiếu tự đánh giá hoạt động cá nhân;...
- Sách học sinh.

2. Học sinh

- Sách học sinh Công nghệ 3.
- Tranh ảnh, vật thật của các sản phẩm công nghệ trong gia đình; video clip mô tả quá trình sản xuất sản phẩm công nghệ.
- Giấy, bút chì, bút màu,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: HS tạo được nhóm để cùng hợp tác làm dự án.

b. Cách tiến hành:

- GV giới thiệu dự án sẽ thực hiện: Tìm hiểu sản phẩm công nghệ trong gia đình.
- GV tổ chức cho HS tạo nhóm và đặt tên.

2. Thực hiện dự án

Hoạt động 1: Lập kế hoạch thực hiện dự án

a. Mục tiêu: HS lập được kế hoạch làm dự án tìm hiểu sản phẩm công nghệ trong gia đình.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS tìm hiểu về dự án: đọc thông tin trang 42 trong SHS và trao đổi một nội dung sau:

- + Mô tả dự án.
- + Mục tiêu của dự án.
- + Nhiệm vụ học tập.
- + Phương tiện hỗ trợ.
- + Sản phẩm dự án.

- HS đại diện nhóm trình bày, nhận xét và bổ sung.
- GV định hướng cho HS lập kế hoạch thực hiện dự án, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện trên phiếu học tập.

Gợi ý:

- + Phân công cụ thể nhiệm vụ từng thành viên trong nhóm.
- + Nêu quy trình thực hiện dự án.
- + Dự kiến thời gian hoàn thành các công đoạn và thời gian hoàn thành dự án.

Hoạt động 2: Thực hiện dự án

a. Mục tiêu: HS thực hiện được dự án sản phẩm công nghệ trong gia đình.

b. Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS tiến hành thực hiện dự án trong khoảng thời gian 1 tuần.
- GV quan sát, hỗ trợ kịp thời cho HS khi gặp khó khăn.

Hoạt động 3: Kết thúc dự án

- GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm (tranh ảnh hoặc vật thật) vào bảng thuyết trình dự án.
- HS giới thiệu tác dụng và cách sử dụng một sản phẩm công nghệ trong gia đình với bạn bè.
- GV tổ chức cho HS nhận xét và đánh giá kết quả của dự án.

3. Đánh giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM DỰ ÁN

Nhóm thực hiện:

	Mức độ	Tốt	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí				
Hoàn thiện				
Sáng tạo				
Thẩm mỹ				
Thời gian				
Thuyết trình				

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN

Tên nhóm:

Thành viên được đánh giá:

Tiêu chí	Mức độ
Tự giác hoàn thành công việc.	☆ ☆ ☆ ☆
Biết hợp tác với bạn.	☆ ☆ ☆ ☆
Biết giải quyết vấn đề.	☆ ☆ ☆ ☆
Chia sẻ ý tưởng với mọi người.	☆ ☆ ☆ ☆
Có sự sáng tạo trong quá trình thực hiện.	☆ ☆ ☆ ☆

Thành viên đánh giá

ÔN TẬP PHẦN 1

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Trình bày được tóm tắt những kiến thức đã học về công nghệ và đời sống.
- Vận dụng những kiến thức đã học trong Phần 1 để giải quyết các câu hỏi, bài tập đặt ra xoay quanh chủ đề công nghệ và đời sống.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Năng lực chung: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất: chăm chỉ; trung thực; trách nhiệm.

II. PHƯƠNG TIỆN – THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Phiếu đánh giá học tập.
- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi ôn tập.

2. Học sinh

- Sách học sinh.
- Ôn lại các bài đã học, đọc trước bài ôn tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Mục tiêu

Củng cố, hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng đã học trong Phần 1.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho HS chuẩn bị vào bài học.

b. Cách tiến hành:

GV cho HS xung phong làm quản trò tổ chức cho bạn chơi một trò chơi nhỏ hoặc hát, múa bài hát bất kì.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tóm tắt nội dung chính đã học ở Phần 1

a. Mục tiêu: Hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng đã học của Phần 1.

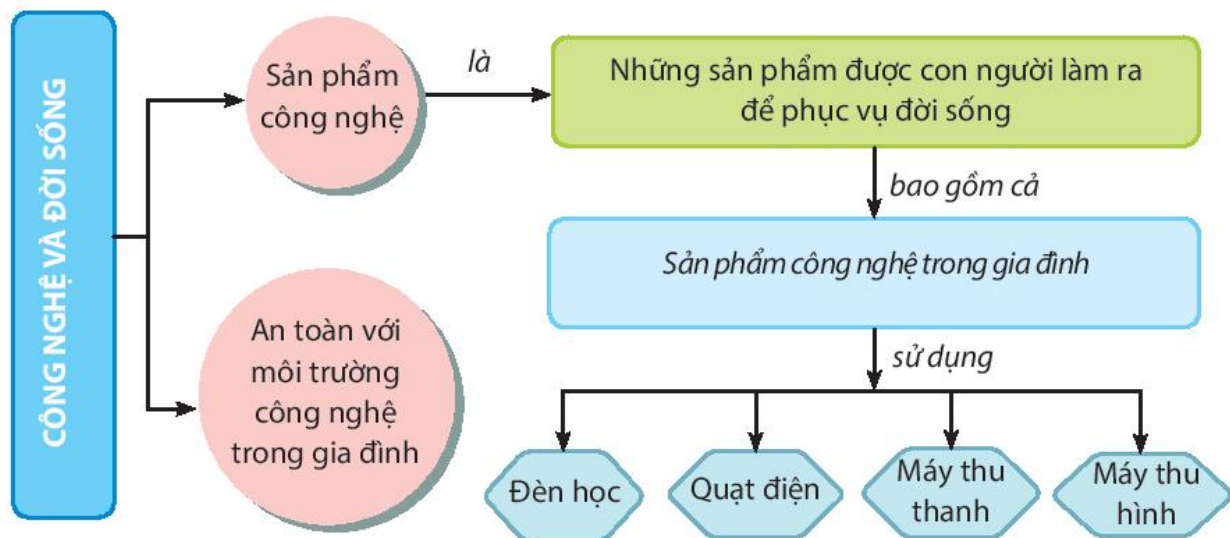
b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS tóm tắt nội dung chính đã học ở Phần 1 theo dạng sơ đồ tư duy và cho ví dụ minh hoạ đối với mỗi nội dung (HS có thể ghi tên hoặc vẽ minh hoạ).

– HS thực hiện sản phẩm theo nhóm, cử đại diện lên trình bày, GV và các nhóm khác nhận xét.

– GV cùng HS rút ra kết luận.

c. Kết luận:



Hoạt động 2: Ôn tập các nội dung cơ bản đã học ở Phần 1

a. Mục tiêu: củng cố, khắc sâu kiến thức của Phần 1.

b. Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn cho HS trả lời các câu hỏi vận dụng trong SHS.
- HS hệ thống kiến thức bằng sơ đồ hoặc GV có thể tham khảo các bài tập trong vở bài tập.

- GV hướng dẫn HS cùng nhận xét.

2.3. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại các kiến thức vừa học.
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- GV đánh giá quá trình HS học tập và hướng dẫn HS tự đánh giá.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Nội dung	Tốt 	Đạt 	Cần cố gắng 
Em biết tên các sản phẩm công nghệ trong đời sống.			
Em biết cách sử dụng các sản phẩm công nghệ trong gia đình một cách an toàn.			
Em có thể chia sẻ với người khác về công dụng và cách sử dụng một số sản phẩm công nghệ trong gia đình.			
Em biết chia sẻ và phối hợp với bạn trong học tập.			

Phần 2. THỦ CÔNG KĨ THUẬT

Bài 7. LÀM ĐỒ DÙNG HỌC TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Lựa chọn được vật liệu làm đồ dùng học tập đúng yêu cầu.
- Sử dụng được các dụng cụ để làm đồ dùng học tập đúng cách và an toàn.
- Làm được một đồ dùng học tập đơn giản theo các bước cho trước, đảm bảo yêu cầu về kĩ thuật, thẩm mỹ.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Năng lực chung: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất: chăm chỉ; trung thực; trách nhiệm.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ.
- Sử dụng công nghệ.
- Giao tiếp công nghệ.

II. PHƯƠNG TIỆN – THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Hình ảnh trong SHS bài 7.
- Mô hình thước làm bằng giấy.

2. Học sinh

Bìa cứng, giấy màu thủ công, thước kẻ có thông số chính xác, bút chì, keo dán, kéo,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Mục tiêu

- Kể tên được một số đồ dùng học tập cơ bản.
- Nêu được vật liệu và dụng cụ để chuẩn bị làm thước kẻ bằng giấy.
- Biết cách sử dụng vật liệu và dụng cụ để làm thước kẻ bằng giấy phù hợp và an toàn.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về đồ dùng học tập để dẫn dắt vào bài học mới.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS tìm hiểu một số vật liệu và dụng cụ làm đồ dùng học tập qua các trò chơi như đồ vui, đoán hình, ô chữ,... để tạo sự gắn kết và tâm thế sẵn sàng cho tiết học.

Ví dụ: Trò chơi Đồ vui.

1. Đầu đuôi vuông vắn như nhau
Thân chia nhiều đốt rất mau rất đều
Tính tình chân thực đáng yêu
Muốn biết dài ngắn, mọi điều có em.
(Là cái gì? – Cái thước kẻ)
2. Như cái kẹo nhỏ
Chữ hồng xoá ngay
Học trò ngày nay
Vẫn dùng đến nó.
(Là cái gì? – Cục tẩy)
3. Cái gì dài một gang tay
Em vẽ em viết ngày ngày ngắn đi?
(Là cái gì? Cái bút chì)
4. Thân thì liền với hai chân
Khi làm chân nghỉ, chân quay mới kì.
(Là cái gì? – Cái compa)
5. Không phải bò, không phải trâu
Uống nước ao sâu, lên cày ruộng cạn.
(Là cái gì? – Cái bút mực)

– GV dẫn dắt giới thiệu bài và nêu mục tiêu bài học.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số đồ dùng học tập

a. Mục tiêu: Giới thiệu làm đồ dùng học tập: cây thước kẻ bằng giấy.

b. Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS kể tên một số đồ dùng học tập. GV có thể tổ chức dưới hình thức trò chơi và đặt ra yêu cầu cho HS: Hãy kể tên hoặc vẽ tranh một đồ dùng học tập mà em biết, HS có thể giới thiệu tên đồ dùng học tập qua vật thật.

– GV đặt câu hỏi và hướng dẫn HS chia sẻ với nhau: Em có thể làm được đồ dùng học tập nào?

- GV mời HS trình bày.
- GV giới thiệu bài mới về làm đồ dùng học tập: cây thước kẻ bằng giấy.

Hoạt động 2: Lựa chọn được vật liệu và dụng cụ làm thước kẻ bằng giấy

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được vật liệu và dụng cụ làm thước kẻ bằng giấy đúng yêu cầu.

b. Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS đọc thông tin trong SHS, xác định yêu cầu:
 - + Thước kẻ được làm bằng giấy bìa cứng và trang trí bằng giấy màu thủ công.
 - + Kích thước của thước kẻ được làm là $3\text{ cm} \times 21\text{ cm}$.
- GV tổ chức cho HS dự đoán: Để làm một cây thước kẻ bằng giấy, em cần những vật liệu và dụng cụ gì?
 - HS thảo luận theo nhóm đôi để đưa ra dự đoán những vật liệu và dụng cụ cần thiết để làm một cây thước kẻ bằng giấy.
 - HS trình bày dự đoán của nhóm mình.
 - HS đọc thông tin trong SHS và đối chiếu với dự đoán của mình. Từ đó, GV hướng dẫn HS nêu được vật liệu và dụng cụ làm thước kẻ bằng giấy gồm: giấy bìa cứng, giấy màu thủ công, kéo, thước kẻ có thông số rõ ràng, bút chì, keo dán, có thể thêm bút chì màu (dùng để trang trí),...
 - GV nêu lưu ý: HS có thể tận dụng các vật liệu tái chế để làm thước kẻ bằng giấy để tiết kiệm chi phí cho gia đình và bản thân.
 - GV tổ chức cho HS chia sẻ công dụng, số lượng các vật liệu và dụng cụ cần chuẩn bị để làm một cây thước kẻ bằng giấy.
 - GV có thể gợi ý một số câu hỏi để HS trả lời nhằm giúp HS nhận biết các vật liệu, dụng cụ chưa phù hợp hoặc chưa đầy đủ để có thể bổ sung hoặc điều chỉnh.

Gợi ý:

- + Vật liệu đó để làm gì?
- + Với mỗi vật liệu, dụng cụ, chúng ta cần số lượng bao nhiêu?
- + Ngoài những vật liệu, dụng cụ đã kể, em còn nghĩ ra chúng ta cần vật liệu, dụng cụ nào nữa không?
- GV lưu ý không kết luận đúng hay sai mà chỉ gợi ý cho HS, nếu các em thấy cần sẽ bổ sung theo ý muốn chứ không bắt buộc. Mục đích của hoạt động này nhằm giúp HS tự khám phá kiến thức và biết được để làm một đồ dùng học tập thì cần chuẩn bị chu đáo các vật liệu và dụng cụ phù hợp.

c. Kết luận:

- Để làm một đồ dùng học tập cần lựa chọn vật liệu và dụng cụ phù hợp, cần tính số lượng sử dụng để tránh lãng phí.

2.3. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại các kiến thức vừa học.
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

TIẾT 2, 3

1. Mục tiêu

- Làm được một cây thước kẻ bằng giấy đơn giản theo các bước cho trước, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, thẩm mỹ.
- Sử dụng được các dụng cụ đúng cách và an toàn.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích thích sự tò mò, khám phá kiến thức của HS và tạo tâm thế chuẩn bị sẵn sàng cho tiết học.

b. Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS kiểm tra chéo với nhau các vật liệu, dụng cụ đã chuẩn bị trước ở nhà.
- Nêu mục tiêu tiết học.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu quy trình thực hiện

a. Mục tiêu: HS biết được quy trình thực hiện.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS tìm hiểu dưới hình thức thảo luận nhóm, HS đọc thông tin, ghi nhận và tự trải nghiệm làm thử theo các bước cho trước trong SHS, từ đó trả lời các yêu cầu sau:

- + Để làm thước kẻ bằng giấy, em cần thực hiện theo mấy bước?
- + Nêu mô tả và yêu cầu cần đạt từng bước.
- + Trong quá trình thực hiện, em cần lưu ý gì?

– GV hướng dẫn HS chia sẻ với nhau các bước thực hiện, từ đó GV định hướng HS làm thước kẻ bằng giấy qua các bước và lưu ý khi thực hiện cần đảm bảo tính an toàn khi sử dụng các dụng cụ như kéo, thước,...

– Ở bước này, HS tự khám phá các bước thực hiện theo phương pháp phép “thử – sai” giúp HS nhớ lâu bài học hơn. Vì thế, GV không áp đặt đúng sai mà khuyến khích HS nêu lên ý kiến của mình.

Hoạt động 2: Thực hành làm thước kẻ bằng giấy

a. Mục tiêu: HS làm được thước kẻ bằng giấy.

b. Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS thực hành cá nhân làm thước kẻ bằng giấy theo từng bước như trong SHS.

- HS chia sẻ và cùng nhau kiểm tra sản phẩm (theo cặp đôi hoặc nhóm nhỏ).
- HS trình bày sản phẩm và bầu chọn sản phẩm mà mình thích nhất.
- GV nêu tiêu chí nhận xét sản phẩm:

Nội dung	Tốt 	Đạt 	Cần cố gắng 
Thước có kích thước đúng yêu cầu.			
Khoảng cách vạch giữa các số trên thước đều nhau.			
Thước kẻ thẳng.			
Thước được trang trí hài hoà, sáng tạo.			

– GV lưu ý hướng dẫn HS nhận xét sản phẩm của bạn theo các tiêu chí nêu trên, đồng thời đưa ra những lời khuyên nghị giúp HS hoàn thiện sản phẩm hơn.

2.3. Cũng cố, dặn dò

- HS nhắc lại các kiến thức vừa học.
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

TIẾT 4

1. Mục tiêu

- Hệ thống được quy trình làm đồ dùng học tập, xác định đúng vật liệu, dụng cụ làm thước kẻ bằng giấy.
- Biết vận dụng làm một đồ dùng học tập theo các bước đã học.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho HS sẵn sàng vào tiết học.

b. Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS chơi trò chơi ô chữ trong SBT – Bài 1. Sử dụng các gợi ý, em hãy giải ô chữ và cho biết khi ghép chữ có ở cột màu xanh em được là từ gì.
- Nêu mục tiêu tiết học.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Ôn tập chọn vật liệu, dụng cụ và quy trình làm thước kẻ bằng giấy

a. Mục tiêu: HS hệ thống được kiến thức về làm dụng cụ học tập.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS làm VBT:

• Bài 2 – Em chọn những vật liệu nào trong bảng dưới đây để làm thước kẻ bằng giấy? Hãy đánh dấu ☒ vào cột lựa chọn.

+ HS nêu tên các vật liệu đã chọn.

+ GV hỏi: Khi chọn vật liệu, em cần lưu ý gì?

• Bài 3 – Em chọn những dụng cụ nào trong bảng dưới đây để làm thước kẻ bằng giấy? Hãy đánh dấu ☒ vào cột lựa chọn.

+ HS nêu tên các dụng cụ đã chọn.

+ GV hỏi: Khi sử dụng dụng cụ, em cần lưu ý điều gì?

+ GV cho HS nhắc lại phần ghi nhớ trong SHS trang 49.

• Bài 4 – Em hãy nối các ô theo thứ tự các bước dưới đây thành quy trình làm đồ dùng học tập.

+ HS nhắc lại quy trình làm đồ dùng học tập.

+ GV hỏi: Khi làm xong đồ dùng học tập, em cần làm gì?

+ HS nêu phần ghi nhớ trong SHS trang 49.

Hoạt động 2: Thực hành mở rộng

a. Mục tiêu: HS làm được thước kẻ bằng giấy theo hướng dẫn.

b. Cách tiến hành:

– HS thực hành làm thước kẻ bằng giấy có chiều dài 30 cm theo mẫu hoặc trang trí theo sự sáng tạo của mình.

– GV có thể cho HS thực hành tại nhà.

– GV nêu tiêu chí nhận xét sản phẩm:

+ Đúng kích thước yêu cầu (3 cm × 30 cm).

+ Khoảng cách vạch giữa các số trên thước đều nhau.

+ Thước kẻ thẳng.

+ Trang trí hài hoà, sáng tạo.

– GV lưu ý hướng dẫn HS nhận xét sản phẩm của bạn theo các tiêu chí nêu trên, không chê bai sản phẩm mà cần đưa ra những lời khuyên nghị giúp HS hoàn thiện sản phẩm hơn.

2.3. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại các kiến thức vừa học.

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– GV đánh giá quá trình HS học tập và hướng dẫn HS tự đánh giá.

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ

Nội dung	Tốt 	Đạt 	Cần cố gắng 
Em chọn được vật liệu làm đồ dùng học tập đúng yêu cầu.			
Em sử dụng được các dụng cụ để làm đồ dùng học tập đúng cách và an toàn.			
Em làm được một đồ dùng học tập đơn giản theo các bước cho trước, đảm bảo yêu cầu về kĩ thuật, thẩm mỹ.			
Em vệ sinh sạch sẽ khu vực sau khi thực hành.			

Bài 8. LÀM BIỂN BÁO GIAO THÔNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Nêu được ý nghĩa của một số biển báo giao thông.
- Lựa chọn được vật liệu phù hợp.
- Lựa chọn và sử dụng được dụng cụ đúng cách, an toàn để làm được một số biển báo giao thông quen thuộc dưới dạng mô hình theo các bước cho trước.
- Có ý thức tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Năng lực chung: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trung thực; trách nhiệm.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ.
- Đánh giá công nghệ.
- Sử dụng công nghệ.
- Giao tiếp công nghệ.

II. PHƯƠNG TIỆN – THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Hình ảnh một số biển báo giao thông trong SHS bài 8.
- Các vật dụng trong bài để hướng dẫn HS thực hành làm biển báo giao thông.

2. Học sinh

- Bìa cứng, giấy màu thủ công, ống hút bằng giấy,...
- Bút chì, thước rập tròn, compa, keo dán, kéo,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Mục tiêu

- Nêu được ý nghĩa của một số biển báo giao thông.
- Lựa chọn được vật liệu và dụng cụ phù hợp.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về một số biển báo giao thông.

b. Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS hát múa theo bài An toàn giao thông.
- HS quan sát hình ảnh trang 50 và mô tả nội dung bức tranh.
- GV nhận xét và dẫn dắt vào Bài 8. Làm biển báo giao thông.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu biển báo giao thông đường bộ

a. Mục tiêu: HS kể tên được một số biển báo giao thông đường bộ.

b. Cách tiến hành:

– GV giới thiệu một số biển báo giao thông, GV nên chọn những biển báo quen thuộc mà HS có thể gặp hằng ngày trong năm nhóm biển báo hiệu giao thông đường bộ.

– HS nêu tên các biển báo trang 51 trong SHS, GV gợi ý HS trả lời và chốt lại trước lớp ý nghĩa của một số biển báo giao thông đường bộ.

Gợi ý:

- + Hình a: Biển báo cấm người đi bộ chỉ đường cấm người đi bộ qua lại.
- + Hình b: Biển báo trẻ em báo trước là gần đến đoạn đường thường có trẻ em đi ngang qua hoặc tụ tập trên đường như gần vườn trẻ, trường học, câu lạc bộ. Khi gặp biển này, người tham gia giao thông phải đi chậm và thận trọng để phòng khả năng xuất hiện và di chuyển bất ngờ của trẻ em trên mặt đường.
- + Hình c: Biển báo đường cấm chỉ đường cấm tất cả các loại phương tiện (cơ giới và thô sơ) đi lại cả hai hướng, trừ các xe được ưu tiên theo quy định.
- + Hình d: Biển báo đường dành cho xe thô sơ có hiệu lực bắt buộc các loại xe thô sơ (kể cả xe của người tàn tật) và người đi bộ phải dùng đường dành riêng này để đi và

cắm các xe cơ giới kể cả xe gắn máy, các xe được ưu tiên theo quy định đi vào đường đã đặt biển này, trừ trường hợp đi cắt ngang qua nhưng phải đảm bảo tuyệt đối an toàn cho xe thô sơ và người đi bộ.

+ Hình e: Biển báo nơi đỗ xe dành cho người tàn tật được dùng để báo hiệu nơi đỗ xe dành cho người tàn tật.

+ Hình g: Biển báo đường người đi bộ sang ngang để chỉ dẫn cho người đi bộ và người lái xe biết nơi dành cho người đi bộ sang ngang. Gặp biển này người lái xe phải điều khiển xe chạy chậm, chú ý quan sát, ưu tiên cho người đi bộ sang ngang.

– GV nhận xét và cùng HS rút ra kết luận.

– GV giới thiệu làm mô hình biển báo cấm xe đi ngược chiều bằng giấy bìa cứng.

c. Kết luận:

Biển báo giao thông có ý nghĩa hướng dẫn người và phương tiện tham gia giao thông đúng luật. Bao gồm biển báo chỉ dẫn, biển báo hiệu lệnh, biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển phụ và các loại biển khác như biển trên đường cao tốc.

Hoạt động 2: Tìm hiểu vật liệu và dụng cụ làm mô hình biển báo cấm đi ngược chiều

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được vật liệu và dụng cụ làm mô hình biển báo cấm đi ngược chiều đúng yêu cầu.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm và mô tả cấu tạo của mô hình biển báo cấm đi ngược chiều, từ đó nêu các vật liệu, dụng cụ có thể sử dụng để làm mô hình.

– GV gọi đại diện HS ở các nhóm trả lời.

– GV định hướng HS lựa chọn các vật liệu, dụng cụ: giấy bìa cứng (bìa các tông), giấy màu thủ công, ống hút bằng giấy loại nhỏ và loại lớn, keo dán, kéo, bút chì, thước kẻ, thước rập tròn, kim bấm lỗ giấy tròn.

– GV có thể hướng dẫn HS chuẩn bị một số vật liệu tái sử dụng được, qua đó GV giáo dục HS bảo vệ môi trường.

c. Kết luận:

Em lưu ý an toàn trong khi sử dụng dụng cụ; ưu tiên lựa chọn vật liệu đã qua sử dụng, thân thiện với môi trường và con người để làm biển báo giao thông.

2.3. Cũng cố, dặn dò

– HS nhắc lại các kiến thức vừa học.

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

1. Mục tiêu

Lựa chọn và sử dụng được vật liệu, dụng cụ đúng cách, an toàn để làm được một biển báo giao thông quen thuộc dưới dạng mô hình theo các bước cho trước.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho HS chuẩn bị vào tiết thực hành.

b. Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS kiểm tra chéo các vật liệu, dụng cụ đã chuẩn bị trước ở nhà.
- GV nêu mục tiêu bài.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu quy trình thực hiện

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu quy trình thực hiện mô hình biển báo giao thông.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS quan sát mô hình biển báo cấm đi ngược chiều, yêu cầu HS đọc hướng dẫn trang 52 trong SHS.

– GV nêu yêu cầu cho HS:

- + Để làm mô hình biển báo cấm đi ngược chiều, em phải thực hiện theo mấy bước?
- + Hãy mô tả từng bước thực hiện.
- + Trong quá trình thực hiện, em cần lưu ý điều gì?

– GV hướng dẫn HS chia sẻ thông tin với nhau, từ đó GV định hướng HS làm mô hình biển báo cấm đi ngược chiều và lưu ý cho HS khi thực hiện cần đảm bảo tính an toàn trong việc sử dụng các dụng cụ như kéo, thước,...

– Ở bước này, HS tự khám phá các bước thực hiện theo phương pháp phép “thử – sai” giúp HS nhớ lâu bài học hơn. Vì thế, GV không áp đặt đúng sai mà khuyến khích HS nêu lên ý kiến của mình.

c. Kết luận:

Mô hình làm biển báo giao thông được làm theo các bước sau: tìm hiểu sản phẩm mẫu; lựa chọn vật liệu, dụng cụ; làm đế, làm biển báo và làm cột biển báo; lắp ráp, kiểm tra mô hình.

Hoạt động 2: Thực hành làm mô hình biển báo cấm xe đi ngược chiều

a. Mục tiêu: HS thực hành làm được mô hình biển báo cấm đi ngược chiều.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS thực hành cá nhân, HS làm mô hình biển báo cấm xe đi ngược chiều theo từng bước như trong SHS.

- HS chia sẻ với bạn sản phẩm và cùng nhau kiểm tra (theo cặp đôi hoặc nhóm nhỏ).
- HS trình bày sản phẩm và bầu chọn sản phẩm mà mình thích nhất.
- GV nêu tiêu chí nhận xét sản phẩm:
 - + Đúng kích thước.
 - + Mô hình đứng vững trên mặt bàn phẳng.
 - + Có tính thẩm mỹ, phù hợp với loại hình biển báo.
- GV lưu ý hướng dẫn HS nhận xét sản phẩm của bạn theo các tiêu chí nêu trên, GV cần đưa ra những lời khuyên nghị giúp HS hoàn thiện sản phẩm hơn.

2.3. Cũng cố, dẫn dò

- HS nhắc lại các kiến thức vừa học.
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

TIẾT 4

1. Mục tiêu

- Cũng cố và đánh giá được một số kiến thức, kỹ năng về quy trình làm mô hình biển báo cấm xe đi ngược chiều.
- Biết vận dụng làm một số mô hình biển báo theo các bước đã học.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Biết được tên và ý nghĩa các biển báo giao thông đường bộ.

b. Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS chơi trò chơi Ghép biển báo. Luật chơi: GV chuẩn bị bộ phận của một số mô hình biển báo giao thông đường bộ ở trang 53 trong SHS và yêu cầu HS lắp ghép các bộ phận đó để tạo thành một biển báo giao thông đường bộ đúng quy định.
- GV gọi HS trình bày.

Gợi ý ý nghĩa một số biển báo trang 53 trong SHS:

- + Hình a: Biển báo cấm rẽ trái có hiệu lực cấm các loại xe (cơ giới và thô sơ) rẽ sang trái trừ các loại xe ưu tiên theo quy định.
- + Hình b: Biển báo giao nhau có tín hiệu đèn báo trước nơi giao nhau có sự điều khiển giao thông bằng tín hiệu đèn (hệ thống ba đèn bật theo chiều đứng).
- + Hình c: Biển báo cấm đi xe đạp báo đường cấm xe đạp đi qua. Biển không có giá trị cấm những người dắt xe đạp.

+ Hình d: Biển báo đường dành cho người đi bộ dùng để báo hiệu đường dành cho người đi bộ. Các loại xe cơ giới và thô sơ kể cả các loại xe được ưu tiên theo quy định không được phép đi vào đường đã đặt biển này, trừ trường hợp đi cắt ngang qua nhưng phải đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người đi bộ.

+ Hình e: Biển báo bệnh viện để chỉ dẫn sắp đến cơ sở điều trị bệnh ở gần đường như bệnh viện, bệnh xá, trạm xá,... Gặp biển này người lái xe cần đi chậm, chú ý quan sát và không sử dụng còi.

+ Hình g: Biển báo cầu vượt qua đường dành cho người đi bộ để chỉ dẫn cho người đi bộ sử dụng cầu vượt khi qua đường.

– HS nhận xét câu trả lời của bạn.

– GV đặt câu hỏi mở rộng: Em thường gặp các biển báo đó ở đâu?

– HS chia sẻ và cùng GV rút ra kết luận. GV giáo dục HS khi tham gia giao thông; cần tuân thủ đúng các quy định về luật giao thông.

c. Kết luận:

Biển báo giao thông rất quan trọng trong việc duy trì trật tự, an toàn giao thông; giúp xe và phương tiện, người tham gia giao thông được đi lại một cách bình thường, tránh ùn tắc và hạn chế tai nạn giao thông.

2.2. Hoạt động khám phá: Thực hành mở rộng

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học vào làm mô hình biển báo giao thông.

b. Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS: Em hãy làm 1 trong 2 mô hình biển báo giao thông đường bộ trang 54 trong SHS.

– HS suy nghĩ, lựa chọn mô hình muốn thực hiện.

– HS nêu các bộ phận của mô hình đã chọn và vật liệu, dụng cụ để làm mô hình.

– Để vẽ hình tam giác có ba cạnh bằng nhau để làm biển báo đường hai chiều, GV cần hướng dẫn HS thực hành vẽ, cắt và dán hình tam giác có các cạnh bằng nhau theo gợi ý trang 54 trong SHS.

– HS thực hành làm biển báo giao thông đường bộ theo gợi ý trang 54.

– GV nêu tiêu chí nhận xét sản phẩm:

+ Đúng kích thước.

+ Mô hình đứng vững trên mặt bàn phẳng.

+ Có tính thẩm mỹ, phù hợp với loại hình biển báo.

– GV lưu ý hướng dẫn HS nhận xét sản phẩm của bạn theo các tiêu chí nêu trên, GV cần đưa ra những lời khuyên nghị giúp HS hoàn thiện sản phẩm hơn.

2.3. củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại các kiến thức vừa học.

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– GV đánh giá quá trình HS học tập và hướng dẫn HS tự đánh giá.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Nội dung	Tốt 	Đạt 	Cần cố gắng 
Em nêu được ý nghĩa của một số biển báo giao thông.			
Em lựa chọn và sử dụng được vật liệu, dụng cụ phù hợp, an toàn để làm mô hình biển báo giao thông.			
Em làm được một số biển báo giao thông quen thuộc dưới dạng mô hình theo các bước cho trước.			
Em đã làm vệ sinh sạch sẽ khu vực thực hành.			
Em tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông.			

Bài 9. LÀM ĐỒ CHƠI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Nhận biết và sử dụng an toàn một số đồ chơi đơn giản phù hợp với lứa tuổi.
- Làm được một đồ chơi đơn giản theo hướng dẫn.
- Tính toán được chi phí cho một đồ chơi đơn giản.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trung thực; trách nhiệm.
- Năng lực chung: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ.
- Sử dụng công nghệ.
- Giao tiếp công nghệ.
- Thiết kế kĩ thuật.

II. PHƯƠNG TIỆN – THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Hình ảnh trong SHS bài 9.
- Mô hình xe chạy bằng lực đẩy bóng bay, vật liệu và dụng cụ làm mô hình.

2. Học sinh

Bìa cứng, bóng bay, bút chì màu, ống hút bằng giấy loại nhỏ, ống hút bằng giấy loại lớn, que gỗ nhỏ, keo dán, kéo,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Mục tiêu

- Nhận biết và sử dụng an toàn một số đồ chơi đơn giản phù hợp với lứa tuổi.
- Lựa chọn được vật liệu và dụng cụ phù hợp.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về một số đồ chơi đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.

b. Cách tiến hành:

- GV chia HS trong lớp thành hai hoặc ba đội. GV tổ chức cho HS thi đua kể tên đồ chơi phù hợp với lứa tuổi, lưu ý không kể trùng với đội bạn.
- GV nhận xét và dẫn dắt vào Bài 9. Làm đồ chơi và nêu mục tiêu bài học.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Nêu tên và cách sử dụng đồ chơi

a. Mục tiêu: HS nêu được tên và cách sử dụng một số đồ chơi đơn giản phù hợp với lứa tuổi.

b. Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS trao đổi, chia sẻ trong nhóm về tên gọi đồ chơi, mô tả các bộ phận và cách sử dụng cơ bản một số đồ chơi phù hợp với lứa tuổi.

Gợi ý tên đồ chơi trang 56 trong SHS:

- + Hình a: Đồ chơi ghép hình bằng gỗ.
- + Hình b: Đồ chơi rubik.
- + Hình c: Đồ chơi bàn bi lắc bóng đá mini.
- + Hình d: Bộ đồ chơi cờ cá ngựa.
- + Hình e: Đồ chơi tàu lửa.
- + Hình g: Đồ chơi máy bay.

- Mỗi nhóm chọn một đồ chơi và chia sẻ trước lớp.
- GV cùng HS rút ra kết luận.

c. Kết luận:

Có rất nhiều loại đồ chơi khác nhau, em cần lựa chọn loại đồ chơi an toàn và phù hợp với lứa tuổi.

Hoạt động 2: Lựa chọn được vật liệu và dụng cụ làm mô hình xe đồ chơi bằng bìa cứng

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được vật liệu và dụng cụ làm mô hình xe đồ chơi bằng bìa cứng.

b. Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS nêu cấu tạo chung của một chiếc xe.
- HS quan sát sơ đồ trang 57 trong SHS và mô tả các bộ phận của mô hình, từ đó nêu vật liệu, dụng cụ cần thiết để làm mô hình theo mẫu.

c. Kết luận:

Khi làm mô hình xe đồ chơi em cần sử dụng các vật liệu, dụng cụ như giấy bìa cứng (bìa các tông), bóng bay, ống hút bằng giấy loại nhỏ và loại lớn, que gỗ (tre), bút chì, băng dính hai mặt, kéo, thước rập tròn và một số vật liệu có thể tái sử dụng để bảo vệ môi trường.

2.3. Cũng cố, dặn dò

- HS nhắc lại các kiến thức vừa học.
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

TIẾT 2, 3

1. Mục tiêu

Làm được một đồ chơi đơn giản theo hướng dẫn.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho HS chuẩn bị vào tiết thực hành trải nghiệm.

b. Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS kiểm tra chéo các vật liệu, dụng cụ đã chuẩn bị trước ở nhà.
- GV nêu mục tiêu bài.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu các bước thực hành làm mô hình xe bằng giấy bìa cứng

a. Mục tiêu: HS biết được quy trình thực hành làm mô hình xe đồ chơi bằng giấy bìa cứng.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS quan sát sơ đồ mô hình xe đồ chơi bằng bìa cứng, yêu cầu HS đọc thông tin, ghi nhận và trả lời các câu hỏi:

- + Để làm mô hình xe đồ chơi bằng bìa cứng, em cần thực hiện theo mấy bước?
- + Mỗi bước của quy trình bao gồm những công việc gì?
- + Trong quá trình thực hiện, em cần lưu ý điều gì?

– GV hướng dẫn HS chia sẻ các bước thực hiện trước lớp. Từ đó, GV định hướng HS làm mô hình xe đồ chơi bằng bìa cứng theo từng bước và nêu lưu ý khi thực hiện cho HS để đảm bảo tính an toàn trong việc sử dụng các dụng cụ như kéo, thước,...

– Ở bước này, HS tự khám phá các bước thực hiện theo phương pháp phép “thử – sai”, qua đó HS nhớ lâu bài học hơn. Vì thế, GV không áp đặt đúng sai mà khuyến khích HS nêu lên ý kiến của mình.

Hoạt động 2: Thực hành làm mô hình xe đồ chơi bằng bìa cứng

a. Mục tiêu: HS làm được mô hình xe đồ chơi bằng bìa cứng.

b. Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS thực hành cá nhân làm mô hình xe đồ chơi bằng bìa cứng theo từng bước như trong SHS.

– HS chia sẻ và cùng nhau kiểm tra sản phẩm (theo cặp đôi hoặc nhóm nhỏ).

– HS trình bày sản phẩm và bầu chọn sản phẩm mà mình thích nhất.

– Tiêu chí nhận xét sản phẩm:

- + Đúng kích thước.
- + Mô hình xe chạy được bằng lực đẩy của hơi bóng bay.
- + Có tính thẩm mỹ và phù hợp lứa tuổi.

– GV lưu ý hướng dẫn HS nhận xét sản phẩm của bạn theo các tiêu chí nêu trên, GV cần đưa ra những lời khuyên nghị giúp HS hoàn thiện sản phẩm hơn.

2.3. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại các kiến thức vừa học.

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. Đánh giá

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

TIẾT 4

1. Mục tiêu

– HS biết cách tính toán chi phí cho đồ chơi tự làm.

- Biết hướng dẫn bạn mình cách sử dụng và cùng bạn mô tả các bộ phận của chúng.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: HS hiểu biết thêm quy trình làm một chiếc xe thực tế với quy trình làm một chiếc xe đồ chơi.

b. Cách tiến hành:

– HS xem video clip về quy trình sản xuất xe hơi: <https://www.youtube.com/watch?v=-pK-3R7kIW0>, sau đó nêu thứ tự quy trình sản xuất xe hơi trong video clip vừa xem và so sánh với quy trình làm một chiếc xe hơi đồ chơi mà em đã được trải nghiệm ở các tiết trước.

– HS trình bày và nhận xét.

– GV nhận xét câu trả lời của HS và giới thiệu tiết học mới.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS biết được cách tính toán chi phí cho đồ chơi tự làm.

b. Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS nhắc lại tên các vật liệu, dụng cụ để làm một mô hình xe bằng giấy bìa cứng chạy bằng lực đẩy của hơi bóng bay.

– HS nêu dự tính giá thành của từng vật liệu, dụng cụ và tính tổng chi phí mua vật liệu để làm một mô hình xe bằng giấy bìa cứng chạy bằng lực đẩy của hơi bóng bay.

– GV lưu ý HS: Để giảm giá thành cho sản phẩm, HS cần tính toán kỹ số lượng vật liệu, dụng cụ cần thiết, nên sử dụng tiết kiệm để tránh lãng phí và có thể sử dụng các vật liệu tái chế để bảo vệ môi trường.

– GV tổ chức cho HS đọc yêu cầu trang 62 trong SHS: Hãy chọn một đồ chơi có trong những hình ảnh minh họa và giới thiệu với bạn tên gọi, cách sử dụng đồ chơi đó.

– Các nhóm chọn một đồ chơi và chia sẻ trước lớp.

– GV đặt câu hỏi củng cố: Qua các kiến thức đã học, em có thể áp dụng để tự làm được đồ chơi nào?

Hoạt động 2: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng các kiến thức đã học vào làm một món đồ chơi yêu thích và thử tính toán chi phí vật liệu, dụng cụ cho đồ chơi đó.

b. Cách tiến hành:

– HS chọn làm một món đồ chơi yêu thích và thử tính toán chi phí vật liệu, dụng cụ cho đồ chơi đó. Các em có thể thực hành tại nhà.

– HS trình bày sản phẩm, chia sẻ cách thực hiện và kết quả dự tính giá thành sản phẩm.

– Tiêu chí nhận xét sản phẩm:

+ Vật liệu thân thiện với môi trường.

- + Mô hình đồ chơi vận hành được.
- + Có tính thẩm mỹ, phù hợp với lứa tuổi.
- + Chi phí thấp.

2.3. *Củng cố, dặn dò*

- HS nhắc lại các kiến thức vừa học.
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

3. **Đánh giá**

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- HS tự đánh giá (bằng phiếu hoặc thẻ học tập).
- GV đánh giá quá trình HS học tập và hướng dẫn HS tự đánh giá.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Nội dung	Tốt 	Đạt 	Cần cố gắng 
Em nhận biết được và sử dụng an toàn một số đồ chơi đơn giản phù hợp với lứa tuổi.			
Em làm được một đồ chơi đơn giản theo hướng dẫn.			
Em tính toán được chi phí cho một đồ chơi đơn giản.			
Em dọn vệ sinh sạch sẽ khu vực thực hành.			

Dự án 2. LÀM MÔ HÌNH SA BÀN GIAO THÔNG BẰNG GIẤY BÌA CỨNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

Hoàn thành được mục tiêu dự án: Làm được mô hình giao thông bằng giấy bìa cứng và trang trí bằng giấy màu thủ công. Mô hình bao gồm các bộ phận sau: Một ngã tư có vạch kẻ đường, ba trụ đèn giao thông, bốn biển báo, một người đi bộ và một phương tiện giao thông.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Năng lực chung: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất: chăm chỉ; trung thực; trách nhiệm.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ.
- Đánh giá công nghệ.
- Sử dụng công nghệ.
- Giao tiếp công nghệ.
- Thiết kế kĩ thuật.

II. PHƯƠNG TIỆN – THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Mô hình giao thông bằng giấy bìa cứng.
- Phiếu tiêu chí đánh giá sản phẩm dự án, phiếu đánh giá hoạt động cá nhân.

2. Học sinh

- Giấy bìa cứng, ống hút bằng giấy, bút chì màu, kéo,...
- Sách học sinh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: HS tạo được nhóm để cùng hợp tác làm dự án.

b. Cách tiến hành:

- GV giới thiệu dự án sẽ thực hiện: Làm mô hình sa bàn giao thông bằng giấy bìa cứng.
- GV tổ chức cho HS tạo nhóm và đặt tên.

2. Thực hiện dự án

Hoạt động 1: Tìm hiểu dự án

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu được thông tin dự án về mô hình giao thông bằng giấy bìa cứng.

b. Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS tìm hiểu về dự án: đọc thông tin trong SHS và hoàn thành một số yêu cầu gợi ý sau:

- + Quan sát hình ảnh và mô tả dự án.
- + Nêu mục tiêu của dự án.
- HS đại diện nhóm trình bày, nhận xét và bổ sung.
- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ học tập trang 64 trong SHS.
- HS lựa chọn nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn của GV.
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm theo gợi ý sau:
 - + Nhóm trưởng họp nhóm và phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm.

- + Nêu các bước thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ dự án.
- + Nêu rõ thời gian hoàn thành các công đoạn và thời gian hoàn thành dự án.

Hoạt động 2: Thực hiện dự án

a. Mục tiêu: HS thực hiện được dự án mô hình giao thông bằng giấy bìa cứng.

b. Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS tiến hành thực hiện dự án trong khoảng 1 tuần.
- GV quan sát và hỗ trợ kịp thời cho HS khi gặp khó khăn.

Hoạt động 3: Kết thúc dự án

- GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm và thuyết trình dự án.
- GV tổ chức cho HS nhận xét và đánh giá sản phẩm.

3. Đánh giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM DỰ ÁN

Nhóm thực hiện

	Mức độ	Tốt	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí				
Hoàn thành đúng thời gian quy định.				
Vật liệu sử dụng thân thiện với môi trường.				
Mô hình giao thông có thẩm mỹ, sáng tạo.				
Mô hình đúng theo luật giao thông đường bộ.				
Thuyết trình bày sản phẩm.				

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN

Tên nhóm:

Thành viên được đánh giá:

Tiêu chí	Mức độ
Tự giác hoàn thành công việc.	☆ ☆ ☆ ☆
Biết hợp tác với bạn.	☆ ☆ ☆ ☆
Biết giải quyết vấn đề.	☆ ☆ ☆ ☆
Chia sẻ ý tưởng với mọi người.	☆ ☆ ☆ ☆
Có sự sáng tạo trong quá trình thực hiện.	☆ ☆ ☆ ☆

Thành viên đánh giá

ÔN TẬP PHẦN 2

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Trình bày được tóm tắt những kiến thức đã học về thủ công kĩ thuật.
- Vận dụng những kiến thức đã học trong Phần 2 để giải quyết các câu hỏi, bài tập đặt ra xoay quanh chủ đề thủ công kĩ thuật.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Năng lực chung: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất: chăm chỉ; trung thực; trách nhiệm.

II. PHƯƠNG TIỆN – THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Phiếu đánh giá học tập.
- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi ôn tập.

2. Học sinh

- Sản phẩm cá nhân của bài 7, 8, 9.
- Các vật liệu, dụng cụ cơ bản để trang trí khu vực triển lãm sản phẩm.
- Sách học sinh.
- Ôn lại các bài đã học, đọc trước bài ôn tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Mục tiêu

Củng cố, hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng đã học trong Phần 2.

2. Hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho HS chuẩn bị vào bài học

b. Cách tiến hành:

GV tổ chức cho HS chia nhóm theo sở thích.

Gợi ý: GV chuẩn bị bốn bộ thẻ màu: xanh, đỏ, tím, vàng. GV cho HS chọn màu theo sở thích, bạn nào cùng màu sẽ tạo thành một nhóm. GV cho HS xung phong làm quản trò tổ chức cho bạn chơi một trò chơi nhỏ hoặc hát, múa bài hát bất kì.

2.2. Hoạt động khám phá

Hoạt động 1: Triển lãm sản phẩm

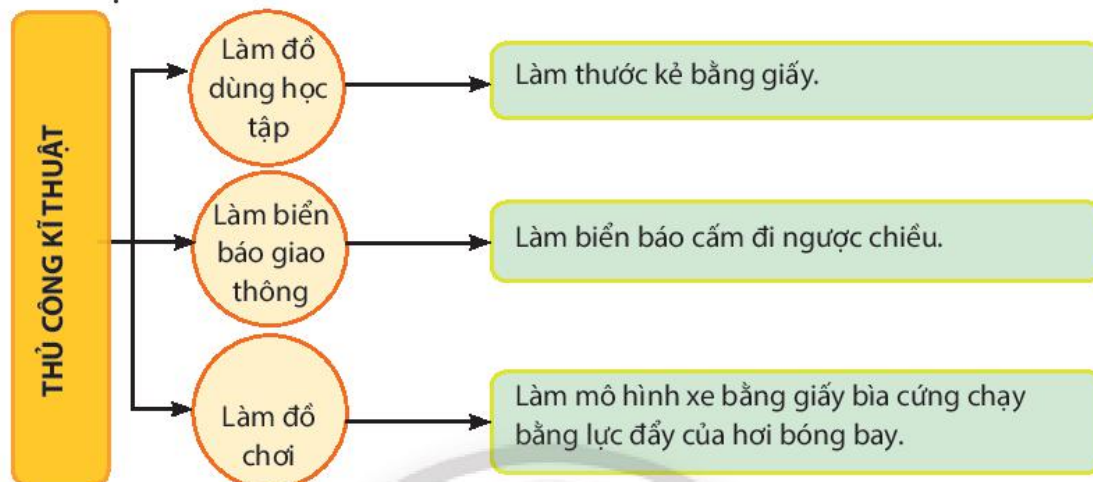
a. Mục tiêu: HS triển lãm được các sản phẩm đã làm trong nội dung Phần 2.

b. Cách tiến hành:

– GV chia HS thành các nhóm bốn hoặc sáu, yêu cầu triển lãm các sản phẩm mà HS làm được trong Phần 2, trang trí khu vực triển lãm theo sở thích, đẹp, khoa học. GV cần tôn trọng ý tưởng trang trí của HS, GV chỉ đưa ra lời khuyên để HS hoàn thiện hơn.

- GV mời đại diện nhóm trình bày sản phẩm mà nhóm thích nhất.
- Các nhóm tham quan, nhận xét và bình chọn nhóm có nhiều sản phẩm đẹp và trang trí ấn tượng.
- GV nhận xét chung cho tất cả sản phẩm.

c. Kết luận:



Hoạt động 2: Ôn tập các nội dung cơ bản đã học ở Phần 2

a. Mục tiêu: HS củng cố, khắc sâu các mạch kiến thức đã học.

b. Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS trả lời một số câu hỏi sau:
 1. Nêu ý nghĩa của biển báo giao thông (GV chọn một số biển báo giao thông đường bộ trong năm nhóm quy định mà HS có thể làm mô hình được).
 2. Kể tên các bước làm thước kẻ bằng giấy.
 3. Kể tên các bước làm biển báo giao thông.
 4. Kể tên các bước làm mô hình xe bằng giấy chạy bằng lực đẩy của hơi bong bóng bay.
- HS trả lời.
- GV hướng dẫn HS cùng nhận xét.

3. Đánh giá

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.
- HS tự đánh giá (bằng phiếu hoặc thẻ học tập).

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Nội dung	Tốt 	Đạt 	Cần cố gắng 
Em hiểu được nội dung bài.			
Em biết tự làm một sản phẩm theo quy trình.			
Em biết phối hợp với bạn trong học tập.			
Em có thể sáng tạo ra sản phẩm tượng tự.			



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 3 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. TIẾNG VIỆT 3 – TẬP MỘT
Sách giáo viên
2. TIẾNG VIỆT 3 – TẬP HAI
Sách giáo viên
3. TOÁN 3
Sách giáo viên
4. TIẾNG ANH 3 Family and Friends
(National Edition) – Teacher's Guide
5. TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3
Sách giáo viên
6. CÔNG NGHỆ 3
Sách giáo viên
7. TIN HỌC 3
Sách giáo viên
8. ĐẠO ĐỨC 3
Sách giáo viên
9. ÂM NHẠC 3
Sách giáo viên
10. MĨ THUẬT 3 (BẢN 1)
Sách giáo viên
11. MĨ THUẬT 3 (BẢN 2)
Sách giáo viên
12. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 3 (BẢN 1)
Sách giáo viên
13. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3
Sách giáo viên

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.



ISBN 978-604-0-31982-1



Giá: 15.000 đ